

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC KHỎI SÁNG

Họ và tên:

Lớp:

Mã đề 111

Phần I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chọn một phương án.

Câu 1. Tác động của đại dịch Covid-19 đến kinh tế toàn cầu là

- A. làm suy giảm GDP của hầu hết các nước. B. giảm thu nhập của những người lao động.
C. làm thiệt hại sinh mạng rất nhiều người. D. gây ra nạn thất nghiệp trên toàn thế giới.

Câu 2. Nguyên nhân làm cho số dân đô thị ở khu vực Mỹ La-tinh tăng nhanh là

- A. lao động ở khu vực dịch vụ tăng và nhập cư. B. nhập cư từ châu lục khác đến nhiều, di cư ít.
C. lao động kỹ thuật gia tăng và tỉ suất sinh cao. D. di cư từ nông thôn đến và gia tăng tự nhiên.

Câu 3. Giám sát hệ thống tài chính toàn cầu là nhiệm vụ chủ yếu của

- A. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
B. Quỹ Tiền tệ quốc tế.
C. Tổ chức Thương mại Thế giới.
D. Ngân hàng Thế giới.

Câu 4. Tổ chức các diễn đàn đàm phán thương mại là chức năng chủ yếu của

- A. Ngân hàng Thế giới.
B. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
C. Tổ chức Thương mại Thế giới.
D. Quỹ Tiền tệ quốc tế.

Câu 5. Sự ra đời của tổ chức nào sau đây là biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế?

- A. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). B. Liên minh châu Âu (EU).
C. Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). D. Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR).

Câu 6. Các quần đảo trong vịnh Ca-ri-bê có thuận lợi chủ yếu cho phát triển ngành nào sau đây?

- A. Thủy điện. B. Du lịch. C. Khai khoáng. D. Chăn nuôi.

Câu 7. Các nước đang phát triển cần chú ý vấn đề nào sau đây trong quá trình đẩy nhanh công nghiệp hóa?

- A. Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.
B. Khai thác tốt nguồn lực của mỗi vùng trong nước.
C. Sử dụng tốt lao động và tài nguyên ở trong nước.
D. Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ và đủ tiện nghi.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với các nước đang phát triển?

- A. Các khoản nợ nước ngoài rất nhỏ. B. GDP bình quân đầu người thấp.
C. Chỉ số phát triển con người thấp. D. Đầu tư nước ngoài (FDI) nhỏ.

Câu 9. Tiềm năng tự nhiên lớn nhất ở dãy An-đét là

- A. đất trồng, sinh vật. B. sinh vật, khoáng sản.
C. thủy điện, đất trồng. D. khoáng sản, thủy điện.

Câu 10. Vấn đề nào sau đây hiện nay đang đe dọa nghiêm trọng đến an ninh của nhiều quốc gia trên thế giới?

- A. Xung đột tôn giáo. B. Các vụ khủng bố. C. Buôn bán vũ khí. D. Xung đột sắc tộc.

Câu 11. Nội dung nào sau đây là một tiêu chí chủ yếu dùng để phân chia các nhóm nước trên thế giới?

- A. Vị trí địa lí. B. Tỉ lệ giới tính trong tổng dân số.
C. Diện tích lãnh thổ. D. Chỉ số phát triển con người (HDI).

Câu 12. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với rừng A-ma-dôn?

- A. Là một khu bảo tồn thiên nhiên thế giới. B. Rất phong phú về loài thực vật, động vật.
C. Hoàn toàn không có sự cư trú và sản xuất. D. Chiếm hơn 50% rừng mưa của Trái Đất.

Câu 13. Khu vực Mỹ La-tinh có phía nam giáp với

- A. Thái Bình Dương. B. Nam Đại Dương. C. Ấn Độ Dương. D. Đại Tây Dương.

Câu 14. Nhóm nước phát triển có đặc điểm là

- A. tiến hành công nghiệp hóa từ sớm. B. tỉ trọng của dịch vụ trong GDP thấp.
C. chỉ số phát triển con người còn thấp. D. tỉ trọng của nông nghiệp còn rất lớn.

Câu 15. Biện pháp phát triển kinh tế có hiệu quả của nhiều nước ở Mỹ La-tinh hiện nay là

- A. tự do hóa thương mại, chống bạo lực, tăng cường sự hợp tác giữa các nước.
B. tích cực hội nhập, tự do hóa thương mại, chính sách hướng đến người dân.
C. tích cực hội nhập, chống bạo lực, giảm tỉ lệ lạm phát, giải quyết việc làm.
D. chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành, phát triển thương mại, giảm thất nghiệp.

Phần II. Trắc nghiệm đúng – sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng số liệu sau:

**CƠ CẤU DÂN SỐ CỦA NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN THEO ĐỘ TUỔI
GIAI ĐOẠN 2000 – 2020 (%)**

Năm	Dưới 15 tuổi	Từ 15 đến dưới 65 tuổi	Từ 65 tuổi trở lên
2000	32,92	59,40	7,68
2005	30,50	61,41	8,09
2015	29,01	62,26	8,73
2020	28,13	61,95	9,92

- a) Tỉ trọng dân số từ 15 đến dưới 65 tuổi có xu hướng tăng liên tục qua các năm.
b) Tỉ trọng dân số dưới 15 tuổi có xu hướng giảm liên tục qua các năm.
c) Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi tương đối ổn định qua các năm.
d) Tỉ trọng dân số từ 65 tuổi trở lên có xu hướng tăng liên tục qua các năm.

Câu 2. Cho đoạn thông tin sau:

An ninh lương thực luôn là vấn đề cần phải quan tâm hàng đầu ở mỗi quốc gia. Thế giới đang phải đối mặt với sự biến đổi của khí hậu, xung đột và bất ổn vẫn còn xảy ra ở nhiều khu vực,... Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới khủng hoảng an ninh lương thực toàn cầu.

- a) Nếu không chấm dứt được xung đột, sẽ làm đứt gãy chuỗi cung ứng và tác động tới an ninh lương thực.
b) Biến đổi khí hậu đang làm gia tăng hạn hán, lũ lụt,... ảnh hưởng tới năng suất và sản lượng lương thực.
c) Số người thiếu lương thực trên thế giới đang giảm nhanh, an ninh lương thực đã ổn định.
d) Xung đột ở nhiều nơi đang làm cho sản xuất nông nghiệp bị đình trệ, cản trở việc cứu trợ nhân đạo.

Câu 3. Cho bảng số liệu sau:

**XU HƯỚNG THAY ĐỔI CHỈ SỐ HDI CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC NHÓM NƯỚC
QUA CÁC NĂM**

Nhóm nước	1990	2000	2010	2020
Các nước phát triển	0,785	0,834	0,872	0,880
Các nước đang phát triển	0,513	0,568	0,642	0,660
Các nước kém phát triển nhất	0,348	0,399	0,484	0,502
Thế giới	0,597	0,641	0,697	0,711

- a) Chỉ số HDI của các nước phát triển cao nhất và tăng liên tục qua các năm.
b) Chỉ số HDI của các nước đang phát triển tăng liên tục qua các năm.
c) Chỉ số HDI của các nước kém phát triển nhất giảm liên tục qua các năm.
d) Chỉ số HDI của các nước phát triển giảm liên tục qua các năm.

Câu 4. Cho đoạn thông tin sau:

Mỹ La-tinh có số dân là 652,3 triệu người (năm 2020). Trước đây khu vực Mỹ La-tinh có tỉ lệ tăng dân số thuộc loại cao, hiện nay đã giảm nhiều, tỉ lệ tăng dân số cả khu vực năm 2020 là 0,94% và có sự chênh lệch giữa các quốc gia. Mỹ La-tinh là một trong những khu vực có sự đa dạng về chủng tộc bậc nhất trên thế giới. Mỹ La-tinh đang trong thời kì dân số vàng và có sự thay đổi theo hướng già hoá dân số.

- a) Mỹ La-tinh có số dân sống dưới mức nghèo khổ đông.
- b) Tỉ lệ gia tăng dân số của Mỹ La-tinh có xu hướng giảm.
- c) Mỹ La-tinh là khu vực đa dân tộc, tỉ lệ dân theo đạo Hồi cao.
- d) Đô thị hóa tự phát ở Mỹ La-tinh diễn ra khá phổ biến.

Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2022

(Đơn vị: triệu người)

Khu vực	Quy mô dân số
Thế giới	7963
Châu Phi	1419
Châu Mỹ	1028
Châu Á	4730
Châu Âu	742
Châu Đại Dương	44

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng dân số của châu Á trong tổng dân số thế giới năm 2022 (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất sau dấu phẩy).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2000 – 2019

Năm	2000	2010	2015	2019
Sản lượng lương thực (triệu tấn)	2060,0	2476,4	2550,9	2964,4

Căn cứ vào bảng số liệu trên, Tính cho biết tốc độ tăng trưởng của sản lượng lương thực thế giới năm 2015 so với năm 2000 là bao nhiêu %? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU GDP CỦA NƯỚC TA NĂM 2021

(Đơn vị: %)

Ngành	Tỉ trọng
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	12,36
Công nghiệp và xây dựng	37,86
Dịch vụ	40,95
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	8,83

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính GDP ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản của nước ta năm 2021 biết tổng GDP của nước ta năm 2021 đạt 366 tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019

Quốc gia	Nam Phi	Cô-lôm-bi-a	Ai Cập	Pê-ru
Diện tích (nghìn km ²)	1219	1142	1002	1285
Dân số (nghìn người)	58600	54400	99100	31800

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết mật độ dân số của Pê-ru năm 2019 là bao nhiêu người/km²? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5. Năm 2023, sản lượng điện của nước ta là 280 600 triệu KWh và dân số nước ta là 99,19 triệu người. Tính sản lượng điện bình quân đầu người (đơn vị: KWh/người) năm 2023 của nước ta (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6. Năm 2022, trị giá xuất khẩu của Bra-xin là 323,4 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 307 tỉ USD. Hãy tính cán cân xuất khẩu, nhập khẩu của Bra-xin năm 2022 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

---HẾT---

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC KHÔI SÁNG

Họ và tên: Lớp: Mã đề 112

Phần I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chọn một phương án.

Câu 1. Ngành chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế của khu vực Mỹ La-tinh là

- A. công nghiệp. B. xây dựng. C. nông nghiệp. D. dịch vụ.

Câu 2. Toàn cầu hóa kinh tế là quá trình liên kết các quốc gia trên thế giới về

- A. giáo dục, chính trị và sản xuất. B. tài chính, giáo dục và chính trị.
C. sản xuất, thương mại, tài chính. D. thương mại, tài chính, giáo dục.

Câu 3. Nguyên nhân làm cho Mỹ La-tinh có nền văn hóa độc đáo chủ yếu là

- A. có nhiều thành phần dân tộc. B. nhiều lứa tuổi cùng hòa hợp.
C. có người bản địa và da đen. D. nhiều quốc gia nhập cư đến.

Câu 4. Khu vực Mỹ La-tinh gồm

- A. Mê-hi-cô, Trung và Bắc Mỹ, kênh đào Xuy-ê và kênh Pa-na-ma.
B. Mê-hi-cô, Trung và Nam Mỹ, quần đảo Ăng-ti, kênh đào Xuy-ê.
C. Mê-hi-cô, Trung và Bắc Mỹ, các quần đảo trong vịnh Ca-ri-bê.
D. Mê-hi-cô, Trung và Nam Mỹ, các quần đảo trong vịnh Ca-ri-bê.

Câu 5. Nội dung nào sau đây là một tiêu chí chủ yếu dùng để phân chia các nhóm nước trên thế giới?

- A. Diện tích lãnh thổ. B. Số dân nữ. C. Cơ cấu kinh tế. D. Số dân nam.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về kinh tế khu vực Mỹ La-tinh?

- A. Nhiều nước mang nợ nước ngoài rất cao. B. Tốc độ tăng trưởng GDP ở mức độ nhanh.
C. Chênh lệch GDP giữa các nước rất nhiều. D. Tổng GDP của toàn khu vực ở mức thấp.

Câu 7. Giám sát hệ thống tài chính toàn cầu là nhiệm vụ chủ yếu của

- A. Tổ chức Thương mại Thế giới.
B. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
C. Quỹ Tiền tệ quốc tế.
D. Ngân hàng Thế giới.

Câu 8. Tác động của đại dịch Covid-19 đến kinh tế toàn cầu là

- A. giảm thu nhập của những người lao động. B. gây ra nạn thất nghiệp trên toàn thế giới.
C. làm thiệt hại sinh mạng rất nhiều người. D. làm suy giảm GDP của hầu hết các nước.

Câu 9. Các nước có thu nhập ở mức thấp hiện nay hầu hết đều ở

- A. châu Phi. B. Bắc Á. C. Bắc Mỹ. D. châu Âu.

Câu 10. Hoạt động nào sau đây là chủ yếu làm mất đa dạng sinh học của rừng ở Mỹ La-tinh?

- A. Mở rộng thủy điện. B. Du canh và du cư.
C. Khai thác quá mức. D. Mở rộng trồng trọt.

Câu 11. Vấn đề nào sau đây chỉ được giải quyết khi có sự hợp tác chặt chẽ của tất cả các nước trên toàn thế giới?

- A. Sử dụng nước ngọt. B. An ninh toàn cầu.
C. Chống mưa axit. D. Ô nhiễm không khí.

Câu 12. Khu vực Mỹ La-tinh có phía tây giáp với

- A. Nam Đại Dương. B. Ấn Độ Dương. C. Thái Bình Dương. D. Đại Tây Dương.

Câu 13. Các nước phát triển so với các nước đang phát triển thường có

- A. tỉ lệ người biết chữ rất thấp. B. tuổi thọ trung bình khá.
C. tỉ lệ gia tăng dân số còn lớn. D. chỉ số HDI vào loại rất cao.

Câu 14. Các nước đang phát triển cần chú ý vấn đề nào sau đây trong quá trình đẩy nhanh công nghiệp hóa?

- A. Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.
- B. Sử dụng tốt lao động và tài nguyên ở trong nước.
- C. Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ và đủ tiện nghi.
- D. Khai thác tốt nguồn lực của mỗi vùng trong nước.

Câu 15. Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế là nhiệm vụ chủ yếu của

- A. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
- B. Quỹ Tiền tệ quốc tế.
- C. Ngân hàng Thế giới.
- D. Liên hợp quốc.

Phần II. Trắc nghiệm đúng – sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU DÂN SỐ THEO TUỔI Ở KHU VỰC MỸ LA-TINH GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

(Đơn vị: %)

Nhóm tuổi	2000	2010	2015	2020
Dưới 15 tuổi	32,2	27,7	25,6	23,9
Từ 15 đến 64 tuổi	62,1	65,5	66,6	67,2
Từ 65 tuổi trở lên	5,7	6,8	7,8	8,9

- a) Nhóm tuổi từ 65 tuổi trở lên tăng nhiều nhất.
- b) Tỷ lệ dân số nhóm dưới 15 tuổi giảm liên tục.
- c) Tỷ lệ dân số từ 15 đến 64 tuổi giảm liên tục.
- d) Dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở khu vực Mỹ La-tinh giai đoạn 2000 – 2020 là biểu đồ miền.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

TUỔI THỌ TRUNG BÌNH CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: tuổi)

Nhóm nước	Nước	Năm 2005	Năm 2010	Năm 2020
Phát triển	Ca-na-đa	80	81	81
	Nhật Bản	82	83	83
	Phân Lan	79	80	81
Đang phát triển	Mô-dam-bích	42	48	53
	Ha-i-ti	52	61	63
	In-đô-nê-xi-a	68	71	71
Thế giới	-	67	69	71

- a) Các nước đang phát triển có tuổi thọ trung bình của người dân không tăng.
 - b) Các nước đang phát triển có tuổi thọ trung bình tăng nhanh hơn các nước phát triển.
 - c) Các nước phát triển có tuổi thọ trung bình tăng nhanh hơn các nước đang phát triển.
 - d) Tuổi thọ trung bình của dân số thế giới ngày càng tăng.
- Câu 3.** Cho đoạn thông tin sau:
- An ninh lương thực luôn là vấn đề cần phải quan tâm hàng đầu ở mỗi quốc gia. Thế giới đang phải đối mặt với sự biến đổi của khí hậu, xung đột và bất ổn vẫn còn xảy ra ở nhiều khu vực,... Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới khủng hoảng an ninh lương thực toàn cầu.
- a) Xung đột ở nhiều nơi đang làm cho sản xuất nông nghiệp bị đình trệ, cản trở việc cứu trợ nhân đạo.
 - b) Số người thiếu lương thực trên thế giới đang giảm nhanh, an ninh lương thực đã ổn định.
 - c) Nếu không chấm dứt được xung đột, sẽ làm đứt gãy chuỗi cung ứng và tác động tới an ninh lương thực.

d) Biến đổi khí hậu đang làm gia tăng hạn hán, lũ lụt,... ảnh hưởng tới năng suất và sản lượng lương thực.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Các nước phát triển thường có quy mô GDP lớn và có tốc độ tăng GDP khá ổn định. Nhóm nước này tiến hành công nghiệp hóa từ sớm và thường dẫn đầu trong các cuộc cách mạng công nghiệp trên thế giới (như Anh, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức...). Ngành dịch vụ đóng góp nhiều nhất trong GDP. Hiện nay, các nước phát triển tập trung vào đổi mới và phát triển các sản phẩm có hàm lượng khoa học – công nghệ và tri thức cao.

- a) Các nước phát triển tiến hành công nghiệp hóa từ sớm.
- b) Ngành dịch vụ các nước phát triển đóng góp nhiều nhất trong GDP.
- c) Các nước phát triển thường có quy mô GDP nhỏ.
- d) Các nước phát triển có tốc độ tăng GDP không ổn định.

Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2022

(Đơn vị: triệu người)

Khu vực	Quy mô dân số
Thế giới	7963
Châu Phi	1419
Châu Mỹ	1028
Châu Á	4730
Châu Âu	742
Châu Đại Dương	44

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng dân số của châu Mỹ trong tổng dân số thế giới năm 2022 (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất sau dấu phẩy).

Câu 2. Năm 2022, sản lượng điện của nước ta là 268 400 triệu KWh và dân số nước ta là 98,19 triệu người. Tính sản lượng điện bình quân đầu người (đơn vị: KWh/người) năm 2022 của nước ta (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3. Năm 2020, trị giá xuất khẩu của toàn thế giới là 22 350,6 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 21 720,7 tỉ USD. Hãy tính cán cân xuất khẩu, nhập khẩu của toàn thế giới năm 2020 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU GDP CỦA NƯỚC TA NĂM 2021

(Đơn vị: %)

Ngành	Tỉ trọng
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	12,36
Công nghiệp và xây dựng	37,86
Dịch vụ	40,95
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	8,83

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính GDP ngành công nghiệp và xây dựng của nước ta năm 2021 biết tổng GDP của nước ta năm 2021 đạt 366 tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019

Quốc gia	Nam Phi	Cô-lôm-bi-a	Ai Cập	Pê-ru
Diện tích (nghìn km ²)	1219	1142	1002	1285
Dân số (nghìn người)	58600	54400	99100	31800

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết mật độ dân số của Nam Phi năm 2019 là bao nhiêu người/km²? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2000 – 2019

Năm	2000	2010	2015	2019
Sản lượng lương thực (triệu tấn)	2060,0	2476,4	2550,9	2964,4

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tốc độ tăng trưởng của sản lượng lương thực thế giới năm 2019 so với năm 2010 là bao nhiêu %? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

----HẾT---

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC KHỎI SÁNG

Họ và tên:

Lớp:

Mã đề 113

Phần I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chọn một phương án.

Câu 1. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với rừng A-ma-dôn?

- A. Là một khu bảo tồn thiên nhiên thế giới. B. Hoàn toàn không có sự cư trú và sản xuất.
C. Chiếm hơn 50% rừng mưa của Trái Đất. D. Rất phong phú về loài thực vật, động vật.

Câu 2. Vấn đề nào sau đây hiện nay đang đe dọa nghiêm trọng đến an ninh của nhiều quốc gia trên thế giới?

- A. Xung đột tôn giáo. B. Xung đột sắc tộc. C. Các vụ khủng bố. D. Buôn bán vũ khí.

Câu 3. Sự ra đời của tổ chức nào sau đây là biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế?

- A. Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). B. Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR).
C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). D. Liên minh châu Âu (EU).

Câu 4. Các nước đang phát triển cần chú ý vấn đề nào sau đây trong quá trình đẩy nhanh công nghiệp hóa?

- A. Sử dụng tốt lao động và tài nguyên ở trong nước.
B. Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.
C. Khai thác tốt nguồn lực của mỗi vùng trong nước.
D. Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ và đủ tiện nghi.

Câu 5. Giám sát hệ thống tài chính toàn cầu là nhiệm vụ chủ yếu của

- A. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
B. Quỹ Tiền tệ quốc tế.
C. Ngân hàng Thế giới.
D. Tổ chức Thương mại Thế giới.

Câu 6. Khu vực Mỹ La-tinh có phía nam giáp với

- A. Nam Đại Dương. B. Thái Bình Dương. C. Đại Tây Dương. D. Ấn Độ Dương.

Câu 7. Tổ chức các diễn đàn đàm phán thương mại là chức năng chủ yếu của

- A. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
B. Tổ chức Thương mại Thế giới.
C. Quỹ Tiền tệ quốc tế.
D. Ngân hàng Thế giới.

Câu 8. Các quần đảo trong vịnh Ca-ri-bê có thuận lợi chủ yếu cho phát triển ngành nào sau đây?

- A. Du lịch. B. Khai khoáng. C. Chăn nuôi. D. Thủy điện.

Câu 9. Tiềm năng tự nhiên lớn nhất ở dãy An-đét là

- A. thủy điện, đất trồng. B. sinh vật, khoáng sản.
C. khoáng sản, thủy điện. D. đất trồng, sinh vật.

Câu 10. Tác động của đại dịch Covid-19 đến kinh tế toàn cầu là

- A. làm thiệt hại sinh mạng rất nhiều người. B. giảm thu nhập của những người lao động.
C. làm suy giảm GDP của hầu hết các nước. D. gây ra nạn thất nghiệp trên toàn thế giới.

Câu 11. Biện pháp phát triển kinh tế có hiệu quả của nhiều nước ở Mỹ La-tinh hiện nay là

- A. tích cực hội nhập, tự do hóa thương mại, chính sách hướng đến người dân.
B. tự do hóa thương mại, chống bạo lực, tăng cường sự hợp tác giữa các nước.
C. chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành, phát triển thương mại, giảm thất nghiệp.
D. tích cực hội nhập, chống bạo lực, giảm tỉ lệ lạm phát, giải quyết việc làm.

- Câu 12.** Nguyên nhân làm cho số dân đô thị ở khu vực Mỹ La-tinh tăng nhanh là
- A. di cư từ nông thôn đến và gia tăng tự nhiên. B. lao động kĩ thuật gia tăng và tỉ suất sinh cao.
C. lao động ở khu vực dịch vụ tăng và nhập cư. D. nhập cư từ châu lục khác đến nhiều, di cư ít.
- Câu 13.** Nhóm nước phát triển có đặc điểm là
- A. tiến hành công nghiệp hóa từ sớm. B. tỉ trọng của nông nghiệp còn rất lớn.
C. chỉ số phát triển con người còn thấp. D. tỉ trọng của dịch vụ trong GDP thấp.
- Câu 14.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với các nước đang phát triển?
- A. Chỉ số phát triển con người thấp. B. Đầu tư nước ngoài (FDI) nhỏ.
C. GDP bình quân đầu người thấp. D. Các khoản nợ nước ngoài rất nhỏ.
- Câu 15.** Nội dung nào sau đây là một tiêu chí chủ yếu dùng để phân chia các nhóm nước trên thế giới?
- A. Vị trí địa lí. B. Diện tích lãnh thổ.
C. Chỉ số phát triển con người (HDI). D. Tỉ lệ giới tính trong tổng dân số.

Phần II. Trắc nghiệm đúng – sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng số liệu sau:

**XU HƯỚNG THAY ĐỔI CHỈ SỐ HDI CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC NHÓM NƯỚC
QUA CÁC NĂM**

Nhóm nước	1990	2000	2010	2020
Các nước phát triển	0,785	0,834	0,872	0,880
Các nước đang phát triển	0,513	0,568	0,642	0,660
Các nước kém phát triển nhất	0,348	0,399	0,484	0,502
Thế giới	0,597	0,641	0,697	0,711

- a) Chỉ số HDI của các nước kém phát triển nhất giảm liên tục qua các năm.
b) Chỉ số HDI của các nước phát triển cao nhất và tăng liên tục qua các năm.
c) Chỉ số HDI của các nước phát triển giảm liên tục qua các năm.
d) Chỉ số HDI của các nước đang phát triển tăng liên tục qua các năm.
- Câu 2.** Cho đoạn thông tin sau:
- Mỹ La-tinh có số dân là 652,3 triệu người (năm 2020). Trước đây khu vực Mỹ La-tinh có tỉ lệ tăng dân số thuộc loại cao, hiện nay đã giảm nhiều, tỉ lệ tăng dân số cả khu vực năm 2020 là 0,94% và có sự chênh lệch giữa các quốc gia. Mỹ La-tinh là một trong những khu vực có sự đa dạng về chủng tộc bậc nhất trên thế giới. Mỹ La-tinh đang trong thời kì dân số vàng và có sự thay đổi theo hướng già hoá dân số.
- a) Mỹ La-tinh có số dân sống dưới mức nghèo khổ đông.
b) Tỉ lệ gia tăng dân số của Mỹ La-tinh có xu hướng giảm.
c) Đô thị hóa tự phát ở Mỹ La-tinh diễn ra khá phổ biến.
d) Mỹ La-tinh là khu vực đa dân tộc, tỉ lệ dân theo đạo Hồi cao.
- Câu 3.** Cho bảng số liệu sau:

**CƠ CẤU DÂN SỐ CỦA NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN THEO ĐỘ TUỔI
GIAI ĐOẠN 2000 – 2020 (%)**

Năm	Dưới 15 tuổi	Từ 15 đến dưới 65 tuổi	Từ 65 tuổi trở lên
2000	32,92	59,40	7,68
2005	30,50	61,41	8,09
2015	29,01	62,26	8,73
2020	28,13	61,95	9,92

- a) Tỉ trọng dân số dưới 15 tuổi có xu hướng giảm liên tục qua các năm.
b) Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi tương đối ổn định qua các năm.
c) Tỉ trọng dân số từ 15 đến dưới 65 tuổi có xu hướng tăng liên tục qua các năm.

d) Tỉ trọng dân số từ 65 tuổi trở lên có xu hướng tăng liên tục qua các năm.

Câu 4. Cho đoạn thông tin sau:

An ninh lương thực luôn là vấn đề cần phải quan tâm hàng đầu ở mỗi quốc gia. Thế giới đang phải đối mặt với sự biến đổi của khí hậu, xung đột và bất ổn vẫn còn xảy ra ở nhiều khu vực,... Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới khủng hoảng an ninh lương thực toàn cầu.

- a) Biến đổi khí hậu đang làm gia tăng hạn hán, lũ lụt,... ảnh hưởng tới năng suất và sản lượng lương thực.
- b) Số người thiếu lương thực trên thế giới đang giảm nhanh, an ninh lương thực đã ổn định.
- c) Nếu không chấm dứt được xung đột, sẽ làm đứt gãy chuỗi cung ứng và tác động tới an ninh lương thực.
- d) Xung đột ở nhiều nơi đang làm cho sản xuất nông nghiệp bị đình trệ, cản trở việc cứu trợ nhân đạo.

Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2000 – 2019

Năm	2000	2010	2015	2019
Sản lượng lương thực (triệu tấn)	2060,0	2476,4	2550,9	2964,4

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tốc độ tăng trưởng của sản lượng lương thực thế giới năm 2015 so với năm 2000 là bao nhiêu %? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU GDP CỦA NƯỚC TA NĂM 2021

(Đơn vị: %)

Ngành	Tỉ trọng
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	12,36
Công nghiệp và xây dựng	37,86
Dịch vụ	40,95
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	8,83

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính GDP ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản của nước ta năm 2021 biết tổng GDP của nước ta năm 2021 đạt 366 tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2022

(Đơn vị: triệu người)

Khu vực	Quy mô dân số
Thế giới	7963
Châu Phi	1419
Châu Mỹ	1028
Châu Á	4730
Châu Âu	742
Châu Đại Dương	44

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng dân số của châu Á trong tổng dân số thế giới năm 2022 (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất sau dấu phẩy).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019

Quốc gia	Nam Phi	Cô-lôm-bi-a	Ai Cập	Pê-ru
Diện tích (nghìn km ²)	1219	1142	1002	1285
Dân số (nghìn người)	58600	54400	99100	31800

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết mật độ dân số của Pê-ru năm 2019 là bao nhiêu người/km²? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5. Năm 2022, trị giá xuất khẩu của Bra-xin là 323,4 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 307 tỉ USD. Hãy tính cán cân xuất khẩu, nhập khẩu của Bra-xin năm 2022 *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD)*.

Câu 6. Năm 2023, sản lượng điện của nước ta là 280 600 triệu KWh và dân số nước ta là 99,19 triệu người. Tính sản lượng điện bình quân đầu người (đơn vị: KWh/người) năm 2023 của nước ta *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)*.

---HẾT---

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC KHÔI SÁNG

Họ và tên: Lớp: Mã đề 114

Phần I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chọn một phương án.

- Câu 1.** Nội dung nào sau đây là một tiêu chí chủ yếu dùng để phân chia các nhóm nước trên thế giới?
A. Số dân nữ. B. Cơ cấu kinh tế. C. Diện tích lãnh thổ. D. Số dân nam.
- Câu 2.** Ngành chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế của khu vực Mỹ La-tinh là
A. dịch vụ. B. nông nghiệp. C. công nghiệp. D. xây dựng.
- Câu 3.** Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế là nhiệm vụ chủ yếu của
A. Quỹ Tiền tệ quốc tế.
B. Liên hợp quốc.
C. Ngân hàng Thế giới.
D. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
- Câu 4.** Các nước đang phát triển cần chú ý vấn đề nào sau đây trong quá trình đẩy nhanh công nghiệp hóa?
A. Khai thác tốt nguồn lực của mỗi vùng trong nước.
B. Sử dụng tốt lao động và tài nguyên ở trong nước.
C. Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ và đủ tiện nghi.
D. Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.
- Câu 5.** Khu vực Mỹ La-tinh có phía tây giáp với
A. Nam Đại Dương. B. Ấn Độ Dương. C. Đại Tây Dương. D. Thái Bình Dương.
- Câu 6.** Khu vực Mỹ La-tinh gồm
A. Mê-hi-cô, Trung và Nam Mỹ, quần đảo Ăng-ti, kênh đào Xuy-ê.
B. Mê-hi-cô, Trung và Nam Mỹ, các quần đảo trong vịnh Ca-ri-bê.
C. Mê-hi-cô, Trung và Bắc Mỹ, các quần đảo trong vịnh Ca-ri-bê.
D. Mê-hi-cô, Trung và Bắc Mỹ, kênh đào Xuy-ê và kênh Pa-na-ma.
- Câu 7.** Toàn cầu hóa kinh tế là quá trình liên kết các quốc gia trên thế giới về
A. sản xuất, thương mại, tài chính. B. tài chính, giáo dục và chính trị.
C. giáo dục, chính trị và sản xuất. D. thương mại, tài chính, giáo dục.
- Câu 8.** Tác động của đại dịch Covid-19 đến kinh tế toàn cầu là
A. giảm thu nhập của những người lao động. B. gây ra nạn thất nghiệp trên toàn thế giới.
C. làm thiệt hại sinh mạng rất nhiều người. D. làm suy giảm GDP của hầu hết các nước.
- Câu 9.** Vấn đề nào sau đây chỉ được giải quyết khi có sự hợp tác chặt chẽ của tất cả các nước trên toàn thế giới?
A. Sử dụng nước ngọt. B. Ô nhiễm không khí.
C. Chống mưa axit. D. An ninh toàn cầu.
- Câu 10.** Giám sát hệ thống tài chính toàn cầu là nhiệm vụ chủ yếu của
A. Quỹ Tiền tệ quốc tế.
B. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
C. Tổ chức Thương mại Thế giới.
D. Ngân hàng Thế giới.
- Câu 11.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về kinh tế khu vực Mỹ La-tinh?
A. Chênh lệch GDP giữa các nước rất nhiều. B. Nhiều nước mang nợ nước ngoài rất cao.
C. Tốc độ tăng trưởng GDP ở mức độ nhanh. D. Tổng GDP của toàn khu vực ở mức thấp.
- Câu 12.** Các nước có thu nhập ở mức thấp hiện nay hầu hết đều ở
A. châu Phi. B. Bắc Mỹ. C. Bắc Á. D. châu Âu.

Câu 13. Hoạt động nào sau đây là chủ yếu làm mất đa dạng sinh học của rừng ở Mỹ La-tinh?

- A. Khai thác quá mức.
- B. Mở rộng trồng trọt.
- C. Du canh và du cư.
- D. Mở rộng thủy điện.

Câu 14. Các nước phát triển so với các nước đang phát triển thường có

- A. tỉ lệ gia tăng dân số còn lớn.
- B. chỉ số HDI vào loại rất cao.
- C. tuổi thọ trung bình khá.
- D. tỉ lệ người biết chữ rất thấp.

Câu 15. Nguyên nhân làm cho Mỹ La-tinh có nền văn hóa độc đáo chủ yếu là

- A. nhiều lứa tuổi cùng hòa hợp.
- B. nhiều quốc gia nhập cư đến.
- C. có người bản địa và da đen.
- D. có nhiều thành phần dân tộc.

Phần II. Trắc nghiệm đúng – sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Các nước phát triển thường có quy mô GDP lớn và có tốc độ tăng GDP khá ổn định. Nhóm nước này tiến hành công nghiệp hóa từ sớm và thường dẫn đầu trong các cuộc cách mạng công nghiệp trên thế giới (như Anh, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức...). Ngành dịch vụ đóng góp nhiều nhất trong GDP. Hiện nay, các nước phát triển tập trung vào đổi mới và phát triển các sản phẩm có hàm lượng khoa học – công nghệ và tri thức cao.

- a) Ngành dịch vụ các nước phát triển đóng góp nhiều nhất trong GDP.
- b) Các nước phát triển thường có quy mô GDP nhỏ.
- c) Các nước phát triển tiến hành công nghiệp hóa từ sớm.
- d) Các nước phát triển có tốc độ tăng GDP không ổn định.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU DÂN SỐ THEO TUỔI Ở KHU VỰC MỸ LA-TINH GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

(Đơn vị: %)

Nhóm tuổi	2000	2010	2015	2020
Dưới 15 tuổi	32,2	27,7	25,6	23,9
Từ 15 đến 64 tuổi	62,1	65,5	66,6	67,2
Từ 65 tuổi trở lên	5,7	6,8	7,8	8,9

- a) Tỉ lệ dân số từ 15 đến 64 tuổi giảm liên tục.
- b) Tỉ lệ dân số nhóm dưới 15 tuổi giảm liên tục.
- c) Nhóm tuổi từ 65 tuổi trở lên tăng nhiều nhất.
- d) Dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở khu vực Mỹ La-tinh giai đoạn 2000 – 2020 là biểu đồ miền.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

TUỔI THỌ TRUNG BÌNH CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: tuổi)

Nhóm nước	Nước	Năm 2005	Năm 2010	Năm 2020
Phát triển	Ca-na-đa	80	81	81
	Nhật Bản	82	83	83
	Phần Lan	79	80	81
Đang phát triển	Mô-dăm-bích	42	48	53
	Ha-i-ti	52	61	63
	In-đô-nê-xi-a	68	71	71
Thế giới	-	67	69	71

- a) Các nước đang phát triển có tuổi thọ trung bình tăng nhanh hơn các nước phát triển.
- b) Tuổi thọ trung bình của dân số thế giới ngày càng tăng.
- c) Các nước đang phát triển có tuổi thọ trung bình của người dân không tăng.

d) Các nước phát triển có tuổi thọ trung bình tăng nhanh hơn các nước đang phát triển.

Câu 4. Cho đoạn thông tin sau:

An ninh lương thực luôn là vấn đề cần phải quan tâm hàng đầu ở mỗi quốc gia. Thế giới đang phải đối mặt với sự biến đổi của khí hậu, xung đột và bất ổn vẫn còn xảy ra ở nhiều khu vực,... Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới khủng hoảng an ninh lương thực toàn cầu.

- a) Nếu không chấm dứt được xung đột, sẽ làm đứt gãy chuỗi cung ứng và tác động tới an ninh lương thực.
- b) Biến đổi khí hậu đang làm gia tăng hạn hán, lũ lụt,... ảnh hưởng tới năng suất và sản lượng lương thực.
- c) Xung đột ở nhiều nơi đang làm cho sản xuất nông nghiệp bị đình trệ, cản trở việc cứu trợ nhân đạo.
- d) Số người thiếu lương thực trên thế giới đang giảm nhanh, an ninh lương thực đã ổn định.

Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2022

(Đơn vị: triệu người)

Khu vực	Quy mô dân số
Thế giới	7963
Châu Phi	1419
Châu Mỹ	1028
Châu Á	4730
Châu Âu	742
Châu Đại Dương	44

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng dân số của châu Mỹ trong tổng dân số thế giới năm 2022 (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất sau dấu phẩy).

Câu 2. Năm 2022, sản lượng điện của nước ta là 268 400 triệu KWh và dân số nước ta là 98,19 triệu người. Tính sản lượng điện bình quân đầu người (đơn vị: KWh/người) năm 2022 của nước ta (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019

Quốc gia	Nam Phi	Cô-lôm-bi-a	Ai Cập	Pê-ru
Diện tích (nghìn km ²)	1219	1142	1002	1285
Dân số (nghìn người)	58600	54400	99100	31800

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết mật độ dân số của Nam Phi năm 2019 là bao nhiêu người/km²? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU GDP CỦA NƯỚC TA NĂM 2021

(Đơn vị: %)

Ngành	Tỉ trọng
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	12,36
Công nghiệp và xây dựng	37,86
Dịch vụ	40,95
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	8,83

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính GDP ngành công nghiệp và xây dựng của nước ta năm 2021 biết tổng GDP của nước ta năm 2021 đạt 366 tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5. Năm 2020, trị giá xuất khẩu của toàn thế giới là 22 350,6 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 21 720,7 tỉ USD. Hãy tính cán cân xuất khẩu, nhập khẩu của toàn thế giới năm 2020 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2000 – 2019

Năm	2000	2010	2015	2019
Sản lượng lương thực (triệu tấn)	2060,0	2476,4	2550,9	2964,4

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tốc độ tăng trưởng của sản lượng lương thực thế giới năm 2019 so với năm 2010 là bao nhiêu %? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

----HẾT---

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC KHỎI SÁNG

Môn: Địa lí 11 - Ngày KT:/10/2024

Thời gian làm bài: 45 phút

(Đề thi gồm 4 trang)

Họ và tên:

Lớp:

Mã đề 115

Phần I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chọn một phương án.

Câu 1. Giám sát hệ thống tài chính toàn cầu là nhiệm vụ chủ yếu của

- A. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
- B. Quỹ Tiền tệ quốc tế.
- C. Tổ chức Thương mại Thế giới.
- D. Ngân hàng Thế giới.

Câu 2. Tác động của đại dịch Covid-19 đến kinh tế toàn cầu là

- A. làm suy giảm GDP của hầu hết các nước.
- B. làm thiệt hại sinh mạng rất nhiều người.
- C. gây ra nạn thất nghiệp trên toàn thế giới.
- D. giảm thu nhập của những người lao động.

Câu 3. Khu vực Mỹ La-tinh có phía nam giáp với

- A. Ấn Độ Dương.
- B. Nam Đại Dương.
- C. Thái Bình Dương.
- D. Đại Tây Dương.

Câu 4. Tổ chức các diễn đàn đàm phán thương mại là chức năng chủ yếu của

- A. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
- B. Quỹ Tiền tệ quốc tế.
- C. Tổ chức Thương mại Thế giới.
- D. Ngân hàng Thế giới.

Câu 5. Nhóm nước phát triển có đặc điểm là

- A. chỉ số phát triển con người còn thấp.
- B. tỉ trọng của dịch vụ trong GDP thấp.
- C. tỉ trọng của nông nghiệp còn rất lớn.
- D. tiến hành công nghiệp hóa từ sớm.

Câu 6. Các nước đang phát triển cần chú ý vấn đề nào sau đây trong quá trình đẩy nhanh công nghiệp hóa?

- A. Sử dụng tốt lao động và tài nguyên ở trong nước.
- B. Sử dụng hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường.
- C. Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ và đủ tiện nghi.
- D. Khai thác tốt nguồn lực của mỗi vùng trong nước.

Câu 7. Vấn đề nào sau đây hiện nay đang đe dọa nghiêm trọng đến an ninh của nhiều quốc gia trên thế giới?

- A. Xung đột sắc tộc.
- B. Các vụ khủng bố.
- C. Xung đột tôn giáo.
- D. Buôn bán vũ khí.

Câu 8. Biện pháp phát triển kinh tế có hiệu quả của nhiều nước ở Mỹ La-tinh hiện nay là

- A. tự do hóa thương mại, chống bạo lực, tăng cường sự hợp tác giữa các nước.
- B. tích cực hội nhập, tự do hóa thương mại, chính sách hướng đến người dân.
- C. chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành, phát triển thương mại, giảm thất nghiệp.
- D. tích cực hội nhập, chống bạo lực, giảm tỉ lệ lạm phát, giải quyết việc làm.

Câu 9. Tiềm năng tự nhiên lớn nhất ở dãy An-đét là

- A. thủy điện, đất trồng.
- B. sinh vật, khoáng sản.
- C. khoáng sản, thủy điện.
- D. đất trồng, sinh vật.

Câu 10. Nguyên nhân làm cho số dân đô thị ở khu vực Mỹ La-tinh tăng nhanh là

- A. nhập cư từ châu lục khác đến nhiều, di cư ít.
- B. di cư từ nông thôn đến và gia tăng tự nhiên.
- C. lao động ở khu vực dịch vụ tăng và nhập cư.
- D. lao động kĩ thuật gia tăng và tỉ suất sinh cao.

Câu 11. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với rừng A-ma-dôn?

- A. Rất phong phú về loài thực vật, động vật.
- B. Là một khu bảo tồn thiên nhiên thế giới.
- C. Hoàn toàn không có sự cư trú và sản xuất.
- D. Chiếm hơn 50% rừng mưa của Trái Đất.

Câu 12. Sự ra đời của tổ chức nào sau đây là biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế?

- A. Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR). B. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
C. Liên minh châu Âu (EU). D. Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Câu 13. Các quần đảo trong vịnh Ca-ri-bê có thuận lợi chủ yếu cho phát triển ngành nào sau đây?

- A. Thủy điện. B. Chăn nuôi. C. Du lịch. D. Khai khoáng.

Câu 14. Nội dung nào sau đây là một tiêu chí chủ yếu dùng để phân chia các nhóm nước trên thế giới?

- A. Chỉ số phát triển con người (HDI). B. Diện tích lãnh thổ.
C. Tỷ lệ giới tính trong tổng dân số. D. Vị trí địa lý.

Câu 15. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với các nước đang phát triển?

- A. Đầu tư nước ngoài (FDI) nhỏ. B. Chỉ số phát triển con người thấp.
C. GDP bình quân đầu người thấp. D. Các khoản nợ nước ngoài rất nhỏ.

Phần II. Trắc nghiệm đúng – sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng số liệu sau:

**CƠ CẤU DÂN SỐ CỦA NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN THEO ĐỘ TUỔI
GIAI ĐOẠN 2000 – 2020 (%)**

Năm	Dưới 15 tuổi	Từ 15 đến dưới 65 tuổi	Từ 65 tuổi trở lên
2000	32,92	59,40	7,68
2005	30,50	61,41	8,09
2015	29,01	62,26	8,73
2020	28,13	61,95	9,92

- a) Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi tương đối ổn định qua các năm.
b) Tỷ trọng dân số dưới 15 tuổi có xu hướng giảm liên tục qua các năm.
c) Tỷ trọng dân số từ 65 tuổi trở lên có xu hướng tăng liên tục qua các năm.
d) Tỷ trọng dân số từ 15 đến dưới 65 tuổi có xu hướng tăng liên tục qua các năm.

Câu 2. Cho đoạn thông tin sau:

Mỹ La-tinh có số dân là 652,3 triệu người (năm 2020). Trước đây khu vực Mỹ La-tinh có tỷ lệ tăng dân số thuộc loại cao, hiện nay đã giảm nhiều, tỷ lệ tăng dân số cả khu vực năm 2020 là 0,94% và có sự chênh lệch giữa các quốc gia. Mỹ La-tinh là một trong những khu vực có sự đa dạng về chủng tộc bậc nhất trên thế giới. Mỹ La-tinh đang trong thời kỳ dân số vàng và có sự thay đổi theo hướng già hóa dân số.

- a) Mỹ La-tinh có số dân sống dưới mức nghèo khổ đông.
b) Mỹ La-tinh là khu vực đa dân tộc, tỷ lệ dân theo đạo Hồi cao.
c) Đô thị hóa tự phát ở Mỹ La-tinh diễn ra khá phổ biến.
d) Tỷ lệ gia tăng dân số của Mỹ La-tinh có xu hướng giảm.

Câu 3. Cho bảng số liệu sau:

**XU HƯỚNG THAY ĐỔI CHỈ SỐ HDI CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC NHÓM NƯỚC
QUA CÁC NĂM**

Nhóm nước	1990	2000	2010	2020
Các nước phát triển	0,785	0,834	0,872	0,880
Các nước đang phát triển	0,513	0,568	0,642	0,660
Các nước kém phát triển nhất	0,348	0,399	0,484	0,502
Thế giới	0,597	0,641	0,697	0,711

- a) Chỉ số HDI của các nước phát triển giảm liên tục qua các năm.
b) Chỉ số HDI của các nước phát triển cao nhất và tăng liên tục qua các năm.
c) Chỉ số HDI của các nước kém phát triển nhất giảm liên tục qua các năm.
d) Chỉ số HDI của các nước đang phát triển tăng liên tục qua các năm.

Câu 4. Cho đoạn thông tin sau:

An ninh lương thực luôn là vấn đề cần phải quan tâm hàng đầu ở mỗi quốc gia. Thế giới đang phải đối mặt với sự biến đổi của khí hậu, xung đột và bất ổn vẫn còn xảy ra ở nhiều khu vực,... Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới khủng hoảng an ninh lương thực toàn cầu.

- a) Xung đột ở nhiều nơi đang làm cho sản xuất nông nghiệp bị đình trệ, cản trở việc cứu trợ nhân đạo.
- b) Số người thiếu lương thực trên thế giới đang giảm nhanh, an ninh lương thực đã ổn định.
- c) Biến đổi khí hậu đang làm gia tăng hạn hán, lũ lụt,... ảnh hưởng tới năng suất và sản lượng lương thực.
- d) Nếu không chấm dứt được xung đột, sẽ làm đứt gãy chuỗi cung ứng và tác động tới an ninh lương thực.

Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2000 – 2019

Năm	2000	2010	2015	2019
Sản lượng lương thực (triệu tấn)	2060,0	2476,4	2550,9	2964,4

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tốc độ tăng trưởng của sản lượng lương thực thế giới năm 2015 so với năm 2000 là bao nhiêu %? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2022

(Đơn vị: triệu người)

Khu vực	Quy mô dân số
Thế giới	7963
Châu Phi	1419
Châu Mỹ	1028
Châu Á	4730
Châu Âu	742
Châu Đại Dương	44

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng dân số của châu Á trong tổng dân số thế giới năm 2022 (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất sau dấu phẩy).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019

Quốc gia	Nam Phi	Cô-lôm-bi-a	Ai Cập	Pê-ru
Diện tích (nghìn km ²)	1219	1142	1002	1285
Dân số (nghìn người)	58600	54400	99100	31800

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết mật độ dân số của Pê-ru năm 2019 là bao nhiêu người/km²? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU GDP CỦA NƯỚC TA NĂM 2021

(Đơn vị: %)

Ngành	Tỉ trọng
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	12,36
Công nghiệp và xây dựng	37,86
Dịch vụ	40,95
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	8,83

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính GDP ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản của nước ta năm 2021 biết tổng GDP của nước ta năm 2021 đạt 366 tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5. Năm 2022, trị giá xuất khẩu của Bra-xin là 323,4 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 307 tỉ USD. Hãy tính cán cân xuất khẩu, nhập khẩu của Bra-xin năm 2022 *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị tỉ USD)*.

Câu 6. Năm 2023, sản lượng điện của nước ta là 280 600 triệu KWh và dân số nước ta là 99,19 triệu người. Tính sản lượng điện bình quân đầu người (đơn vị: KWh/người) năm 2023 của nước ta *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)*.

---HẾT---

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC KHỎI SÁNG

Môn: Địa lí 11 - Ngày KT:/10/2024

Thời gian làm bài: 45 phút

(Đề thi gồm 4 trang)

Họ và tên:

Lớp:

Mã đề 116

Phần I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chọn một phương án.

Câu 1. Các nước đang phát triển cần chú ý vấn đề nào sau đây trong quá trình đẩy nhanh công nghiệp hóa?

- A. Khai thác tốt nguồn lực của mỗi vùng trong nước.
- B. Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ và đủ tiện nghi.
- C. Sử dụng tốt lao động và tài nguyên ở trong nước.
- D. Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Câu 2. Các nước phát triển so với các nước đang phát triển thường có

- A. tỉ lệ gia tăng dân số còn lớn.
- B. chỉ số HDI vào loại rất cao.
- C. tuổi thọ trung bình khá.
- D. tỉ lệ người biết chữ rất thấp.

Câu 3. Các nước có thu nhập ở mức thấp hiện nay hầu hết đều ở

- A. châu Âu.
- B. Bắc Mỹ.
- C. Bắc Á.
- D. châu Phi.

Câu 4. Khu vực Mỹ La-tinh gồm

- A. Mê-hi-cô, Trung và Nam Mỹ, các quần đảo trong vịnh Ca-ri-bê.
- B. Mê-hi-cô, Trung và Nam Mỹ, quần đảo Ăng-ti, kênh đào Xuy-ê.
- C. Mê-hi-cô, Trung và Bắc Mỹ, các quần đảo trong vịnh Ca-ri-bê.
- D. Mê-hi-cô, Trung và Bắc Mỹ, kênh đào Xuy-ê và kênh Pa-na-ma.

Câu 5. Hoạt động nào sau đây là chủ yếu làm mất đa dạng sinh học của rừng ở Mỹ La-tinh?

- A. Khai thác quá mức.
- B. Mở rộng thủy điện.
- C. Mở rộng trồng trọt.
- D. Du canh và du cư.

Câu 6. Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế là nhiệm vụ chủ yếu của

- A. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
- B. Liên hợp quốc.
- C. Quỹ Tiền tệ quốc tế.
- D. Ngân hàng Thế giới.

Câu 7. Ngành chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế của khu vực Mỹ La-tinh là

- A. nông nghiệp.
- B. xây dựng.
- C. dịch vụ.
- D. công nghiệp.

Câu 8. Tác động của đại dịch Covid-19 đến kinh tế toàn cầu là

- A. gây ra nạn thất nghiệp trên toàn thế giới.
- B. làm thiệt hại sinh mạng rất nhiều người.
- C. làm suy giảm GDP của hầu hết các nước.
- D. giảm thu nhập của những người lao động.

Câu 9. Vấn đề nào sau đây chỉ được giải quyết khi có sự hợp tác chặt chẽ của tất cả các nước trên toàn thế giới?

- A. Ô nhiễm không khí.
- B. An ninh toàn cầu.
- C. Sử dụng nước ngọt.
- D. Chống mưa axit.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về kinh tế khu vực Mỹ La-tinh?

- A. Chênh lệch GDP giữa các nước rất nhiều.
- B. Tốc độ tăng trưởng GDP ở mức độ nhanh.
- C. Nhiều nước mang nợ nước ngoài rất cao.
- D. Tổng GDP của toàn khu vực ở mức thấp.

Câu 11. Khu vực Mỹ La-tinh có phía tây giáp với

- A. Thái Bình Dương.
- B. Ấn Độ Dương.
- C. Đại Tây Dương.
- D. Nam Đại Dương.

Câu 12. Nội dung nào sau đây là một tiêu chí chủ yếu dùng để phân chia các nhóm nước trên thế giới?

- A. Số dân nam.
- B. Diện tích lãnh thổ.
- C. Số dân nữ.
- D. Cơ cấu kinh tế.

Câu 13. Giám sát hệ thống tài chính toàn cầu là nhiệm vụ chủ yếu của

- A. Tổ chức Thương mại Thế giới.
- B. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
- C. Ngân hàng Thế giới.
- D. Quỹ Tiền tệ quốc tế.

Câu 14. Toàn cầu hóa kinh tế là quá trình liên kết các quốc gia trên thế giới về

- A. sản xuất, thương mại, tài chính.
- B. thương mại, tài chính, giáo dục.
- C. tài chính, giáo dục và chính trị.
- D. giáo dục, chính trị và sản xuất.

Câu 15. Nguyên nhân làm cho Mỹ La-tinh có nền văn hóa độc đáo chủ yếu là

- A. nhiều lứa tuổi cùng hòa hợp.
- B. có nhiều thành phần dân tộc.
- C. có người bản địa và da đen.
- D. nhiều quốc gia nhập cư đến.

Phần II. Trắc nghiệm đúng – sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho đoạn thông tin sau:

An ninh lương thực luôn là vấn đề cần phải quan tâm hàng đầu ở mỗi quốc gia. Thế giới đang phải đối mặt với sự biến đổi của khí hậu, xung đột và bất ổn vẫn còn xảy ra ở nhiều khu vực,... Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới khủng hoảng an ninh lương thực toàn cầu.

- a) Nếu không chấm dứt được xung đột, sẽ làm đứt gãy chuỗi cung ứng và tác động tới an ninh lương thực.
- b) Xung đột ở nhiều nơi đang làm cho sản xuất nông nghiệp bị đình trệ, cản trở việc cứu trợ nhân đạo.
- c) Số người thiếu lương thực trên thế giới đang giảm nhanh, an ninh lương thực đã ổn định.
- d) Biến đổi khí hậu đang làm gia tăng hạn hán, lũ lụt,... ảnh hưởng tới năng suất và sản lượng lương thực.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU DÂN SỐ THEO TUỔI Ở KHU VỰC MỸ LA-TINH GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

(Đơn vị: %)

Nhóm tuổi	2000	2010	2015	2020
Dưới 15 tuổi	32,2	27,7	25,6	23,9
Từ 15 đến 64 tuổi	62,1	65,5	66,6	67,2
Từ 65 tuổi trở lên	5,7	6,8	7,8	8,9

- a) Nhóm tuổi từ 65 tuổi trở lên tăng nhiều nhất.
- b) Dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở khu vực Mỹ La-tinh giai đoạn 2000 – 2020 là biểu đồ miền.
- c) Tỷ lệ dân số nhóm dưới 15 tuổi giảm liên tục.
- d) Tỷ lệ dân số từ 15 đến 64 tuổi giảm liên tục.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

TUỔI THỌ TRUNG BÌNH CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: tuổi)

Nhóm nước	Nước	Năm 2005	Năm 2010	Năm 2020
Phát triển	Ca-na-đa	80	81	81
	Nhật Bản	82	83	83
	Phần Lan	79	80	81
Đang phát triển	Mô-dăm-bích	42	48	53
	Ha-i-ti	52	61	63
	In-đô-nê-xi-a	68	71	71
Thế giới	-	67	69	71

- a) Tuổi thọ trung bình của dân số thế giới ngày càng tăng.
- b) Các nước đang phát triển có tuổi thọ trung bình tăng nhanh hơn các nước phát triển.

- c) Các nước phát triển có tuổi thọ trung bình tăng nhanh hơn các nước đang phát triển.
d) Các nước đang phát triển có tuổi thọ trung bình của người dân không tăng.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Các nước phát triển thường có quy mô GDP lớn và có tốc độ tăng GDP khá ổn định. Nhóm nước này tiến hành công nghiệp hóa từ sớm và thường dẫn đầu trong các cuộc cách mạng công nghiệp trên thế giới (như Anh, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức...). Ngành dịch vụ đóng góp nhiều nhất trong GDP. Hiện nay, các nước phát triển tập trung vào đổi mới và phát triển các sản phẩm có hàm lượng khoa học – công nghệ và tri thức cao.

- a) Ngành dịch vụ các nước phát triển đóng góp nhiều nhất trong GDP.
b) Các nước phát triển thường có quy mô GDP nhỏ.
c) Các nước phát triển có tốc độ tăng GDP không ổn định.
d) Các nước phát triển tiến hành công nghiệp hóa từ sớm.

Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Năm 2022, sản lượng điện của nước ta là 268 400 triệu KWh và dân số nước ta là 98,19 triệu người. Tính sản lượng điện bình quân đầu người (đơn vị: KWh/người) năm 2022 của nước ta (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2. Năm 2020, trị giá xuất khẩu của toàn thế giới là 22 350,6 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 21 720,7 tỉ USD. Hãy tính cán cân xuất khẩu, nhập khẩu của toàn thế giới năm 2020 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU GDP CỦA NƯỚC TA NĂM 2021

(Đơn vị: %)

Ngành	Tỉ trọng
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	12,36
Công nghiệp và xây dựng	37,86
Dịch vụ	40,95
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	8,83

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính GDP ngành công nghiệp và xây dựng của nước ta năm 2021 biết tổng GDP của nước ta năm 2021 đạt 366 tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2022

(Đơn vị: triệu người)

Khu vực	Quy mô dân số
Thế giới	7963
Châu Phi	1419
Châu Mỹ	1028
Châu Á	4730
Châu Âu	742
Châu Đại Dương	44

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng dân số của châu Mỹ trong tổng dân số thế giới năm 2022 (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất sau dấu phẩy).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2000 – 2019

Năm	2000	2010	2015	2019
Sản lượng lương thực (triệu tấn)	2060,0	2476,4	2550,9	2964,4

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tốc độ tăng trưởng của sản lượng lương thực thế giới năm 2019 so với năm 2010 là bao nhiêu %? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019

Quốc gia	Nam Phi	Cô-lôm-bi-a	Ai Cập	Pê-ru
Diện tích (nghìn km^2)	1219	1142	1002	1285
Dân số (nghìn người)	58600	54400	99100	31800

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết mật độ dân số của Nam Phi năm 2019 là bao nhiêu người/ km^2 ?
(Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

----**HẾT**----

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC KHỐI SÁNG

Môn: Địa lí 11 - Ngày KT:/10/2024

Thời gian làm bài: 45 phút

(Đề thi gồm 4 trang)

Họ và tên:

Lớp:

Mã đề 117

Phần I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chọn một phương án.

Câu 1. Nội dung nào sau đây là một tiêu chí chủ yếu dùng để phân chia các nhóm nước trên thế giới?

- A. Tỷ lệ giới tính trong tổng dân số.
B. Chỉ số phát triển con người (HDI).
C. Diện tích lãnh thổ.
D. Vị trí địa lí.

Câu 2. Khu vực Mỹ La-tinh có phía nam giáp với

- A. Ấn Độ Dương.
B. Đại Tây Dương.
C. Nam Đại Dương.
D. Thái Bình Dương.

Câu 3. Biện pháp phát triển kinh tế có hiệu quả của nhiều nước ở Mỹ La-tinh hiện nay là

- A. tích cực hội nhập, tự do hóa thương mại, chính sách hướng đến người dân.
B. chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành, phát triển thương mại, giảm thất nghiệp.
C. tích cực hội nhập, chống bạo lực, giảm tỉ lệ lạm phát, giải quyết việc làm.
D. tự do hóa thương mại, chống bạo lực, tăng cường sự hợp tác giữa các nước.

Câu 4. Các nước đang phát triển cần chú ý vấn đề nào sau đây trong quá trình đẩy nhanh công nghiệp hóa?

- A. Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ và đủ tiện nghi.
B. Sử dụng tốt lao động và tài nguyên ở trong nước.
C. Sử dụng hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường.
D. Khai thác tốt nguồn lực của mỗi vùng trong nước.

Câu 5. Sự ra đời của tổ chức nào sau đây là biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế?

- A. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
B. Liên minh châu Âu (EU).
C. Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).
D. Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR).

Câu 6. Tiềm năng tự nhiên lớn nhất ở dãy An-đét là

- A. thủy điện, đất trồng.
B. đất trồng, sinh vật.
C. sinh vật, khoáng sản.
D. khoáng sản, thủy điện.

Câu 7. Tổ chức các diễn đàn đàm phán thương mại là chức năng chủ yếu của

- A. Quỹ Tiền tệ quốc tế.
B. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
C. Tổ chức Thương mại Thế giới.
D. Ngân hàng Thế giới.

Câu 8. Nhóm nước phát triển có đặc điểm là

- A. tỉ trọng của dịch vụ trong GDP thấp.
B. tỉ trọng của nông nghiệp còn rất lớn.
C. tiến hành công nghiệp hóa từ sớm.
D. chỉ số phát triển con người còn thấp.

Câu 9. Tác động của đại dịch Covid-19 đến kinh tế toàn cầu là

- A. làm suy giảm GDP của hầu hết các nước.
B. gây ra nạn thất nghiệp trên toàn thế giới.
C. giảm thu nhập của những người lao động.
D. làm thiệt hại sinh mạng rất nhiều người.

Câu 10. Nguyên nhân làm cho số dân đô thị ở khu vực Mỹ La-tinh tăng nhanh là

- A. lao động kĩ thuật gia tăng và tỉ suất sinh cao.
B. di cư từ nông thôn đến và gia tăng tự nhiên.
C. nhập cư từ châu lục khác đến nhiều, di cư ít.
D. lao động ở khu vực dịch vụ tăng và nhập cư.

Câu 11. Giám sát hệ thống tài chính toàn cầu là nhiệm vụ chủ yếu của

- A. Quỹ Tiền tệ quốc tế.
B. Ngân hàng Thế giới.
C. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
D. Tổ chức Thương mại Thế giới.

Câu 12. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với rừng A-ma-dôn?

- A. Chiếm hơn 50% rừng mưa của Trái Đất. B. Rất phong phú về loài thực vật, động vật.
C. Hoàn toàn không có sự cư trú và sản xuất. D. Là một khu bảo tồn thiên nhiên thế giới.

Câu 13. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với các nước đang phát triển?

- A. Đầu tư nước ngoài (FDI) nhỏ. B. Các khoản nợ nước ngoài rất nhỏ.
C. Chỉ số phát triển con người thấp. D. GDP bình quân đầu người thấp.

Câu 14. Các quần đảo trong vịnh Ca-ri-bê có thuận lợi chủ yếu cho phát triển ngành nào sau đây?

- A. Chăn nuôi. B. Du lịch. C. Khai khoáng. D. Thủy điện.

Câu 15. Vấn đề nào sau đây hiện nay đang đe dọa nghiêm trọng đến an ninh của nhiều quốc gia trên thế giới?

- A. Xung đột tôn giáo. B. Buôn bán vũ khí. C. Các vụ khủng bố. D. Xung đột sắc tộc.

Phần II. Trắc nghiệm đúng – sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng số liệu sau:

**XU HƯỚNG THAY ĐỔI CHỈ SỐ HDI CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC NHÓM NƯỚC
QUA CÁC NĂM**

Nhóm nước	1990	2000	2010	2020
Các nước phát triển	0,785	0,834	0,872	0,880
Các nước đang phát triển	0,513	0,568	0,642	0,660
Các nước kém phát triển nhất	0,348	0,399	0,484	0,502
Thế giới	0,597	0,641	0,697	0,711

- a) Chỉ số HDI của các nước kém phát triển nhất giảm liên tục qua các năm.
b) Chỉ số HDI của các nước phát triển giảm liên tục qua các năm.
c) Chỉ số HDI của các nước đang phát triển tăng liên tục qua các năm.
d) Chỉ số HDI của các nước phát triển cao nhất và tăng liên tục qua các năm.

Câu 2. Cho đoạn thông tin sau:

An ninh lương thực luôn là vấn đề cần phải quan tâm hàng đầu ở mỗi quốc gia. Thế giới đang phải đối mặt với sự biến đổi của khí hậu, xung đột và bất ổn vẫn còn xảy ra ở nhiều khu vực,... Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới khủng hoảng an ninh lương thực toàn cầu.

- a) Nếu không chấm dứt được xung đột, sẽ làm đứt gãy chuỗi cung ứng và tác động tới an ninh lương thực.
b) Số người thiếu lương thực trên thế giới đang giảm nhanh, an ninh lương thực đã ổn định.
c) Biến đổi khí hậu đang làm gia tăng hạn hán, lũ lụt,... ảnh hưởng tới năng suất và sản lượng lương thực.
d) Xung đột ở nhiều nơi đang làm cho sản xuất nông nghiệp bị đình trệ, cản trở việc cứu trợ nhân đạo.

Câu 3. Cho bảng số liệu sau:

**CƠ CẤU DÂN SỐ CỦA NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN THEO ĐỘ TUỔI
GIAI ĐOẠN 2000 – 2020 (%)**

Năm	Dưới 15 tuổi	Từ 15 đến dưới 65 tuổi	Từ 65 tuổi trở lên
2000	32,92	59,40	7,68
2005	30,50	61,41	8,09
2015	29,01	62,26	8,73
2020	28,13	61,95	9,92

- a) Tỷ trọng dân số từ 15 đến dưới 65 tuổi có xu hướng tăng liên tục qua các năm.
b) Tỷ trọng dân số dưới 15 tuổi có xu hướng giảm liên tục qua các năm.
c) Tỷ trọng dân số từ 65 tuổi trở lên có xu hướng tăng liên tục qua các năm.
d) Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi tương đối ổn định qua các năm.

Câu 4. Cho đoạn thông tin sau:

Mỹ La-tinh có số dân là 652,3 triệu người (năm 2020). Trước đây khu vực Mỹ La-tinh có tỉ lệ tăng dân số thuộc loại cao, hiện nay đã giảm nhiều, tỉ lệ tăng dân số cả khu vực năm 2020 là 0,94% và có sự chênh lệch giữa các quốc gia. Mỹ La-tinh là một trong những khu vực có sự đa dạng về chủng tộc bậc nhất trên thế giới. Mỹ La-tinh đang trong thời kì dân số vàng và có sự thay đổi theo hướng già hoá dân số.

- a) Đô thị hóa tự phát ở Mỹ La-tinh diễn ra khá phổ biến.
- b) Mỹ La-tinh là khu vực đa dân tộc, tỉ lệ dân theo đạo Hồi cao.
- c) Mỹ La-tinh có số dân sống dưới mức nghèo khổ đông.
- d) Tỉ lệ gia tăng dân số của Mỹ La-tinh có xu hướng giảm.

Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Năm 2022, trị giá xuất khẩu của Bra-xin là 323,4 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 307 tỉ USD. Hãy tính cán cân xuất khẩu, nhập khẩu của Bra-xin năm 2022 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU GDP CỦA NƯỚC TA NĂM 2021

(Đơn vị: %)

Ngành	Tỉ trọng
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	12,36
Công nghiệp và xây dựng	37,86
Dịch vụ	40,95
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	8,83

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính GDP ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản của nước ta năm 2021 biết tổng GDP của nước ta năm 2021 đạt 366 tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3. Năm 2023, sản lượng điện của nước ta là 280 600 triệu KWh và dân số nước ta là 99,19 triệu người. Tính sản lượng điện bình quân đầu người (đơn vị: KWh/người) năm 2023 của nước ta (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2022

(Đơn vị: triệu người)

Khu vực	Quy mô dân số
Thế giới	7963
Châu Phi	1419
Châu Mỹ	1028
Châu Á	4730
Châu Âu	742
Châu Đại Dương	44

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng dân số của châu Á trong tổng dân số thế giới năm 2022 (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất sau dấu phẩy).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019

Quốc gia	Nam Phi	Cô-lôm-bi-a	Ai Cập	Pê-ru
Diện tích (nghìn km ²)	1219	1142	1002	1285
Dân số (nghìn người)	58600	54400	99100	31800

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết mật độ dân số của Pê-ru năm 2019 là bao nhiêu người/km²? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2000 – 2019

Năm	2000	2010	2015	2019
Sản lượng lương thực (triệu tấn)	2060,0	2476,4	2550,9	2964,4

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tốc độ tăng trưởng của sản lượng lương thực thế giới năm 2015 so với năm 2000 là bao nhiêu %? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

----HẾT---

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC KHÔI SÁNG

Họ và tên: Lớp: Mã đề 118

Phần I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chọn một phương án.

- Câu 1.** Các nước phát triển so với các nước đang phát triển thường có
A. tuổi thọ trung bình khá. B. tỉ lệ gia tăng dân số còn lớn.
C. chỉ số HDI vào loại rất cao. D. tỉ lệ người biết chữ rất thấp.
- Câu 2.** Giám sát hệ thống tài chính toàn cầu là nhiệm vụ chủ yếu của
A. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
B. Tổ chức Thương mại Thế giới.
C. Ngân hàng Thế giới.
D. Quỹ Tiền tệ quốc tế.
- Câu 3.** Các nước có thu nhập ở mức thấp hiện nay hầu hết đều ở
A. châu Phi. B. châu Âu. C. Bắc Mỹ. D. Bắc Á.
- Câu 4.** Khu vực Mỹ La-tinh có phía tây giáp với
A. Nam Đại Dương. B. Ấn Độ Dương. C. Đại Tây Dương. D. Thái Bình Dương.
- Câu 5.** Tác động của đại dịch Covid-19 đến kinh tế toàn cầu là
A. làm thiệt hại sinh mạng rất nhiều người. B. gây ra nạn thất nghiệp trên toàn thế giới.
C. giảm thu nhập của những người lao động. D. làm suy giảm GDP của hầu hết các nước.
- Câu 6.** Toàn cầu hóa kinh tế là quá trình liên kết các quốc gia trên thế giới về
A. tài chính, giáo dục và chính trị. B. thương mại, tài chính, giáo dục.
C. sản xuất, thương mại, tài chính. D. giáo dục, chính trị và sản xuất.
- Câu 7.** Ngành chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế của khu vực Mỹ La-tinh là
A. dịch vụ. B. xây dựng. C. công nghiệp. D. nông nghiệp.
- Câu 8.** Nội dung nào sau đây là một tiêu chí chủ yếu dùng để phân chia các nhóm nước trên thế giới?
A. Diện tích lãnh thổ. B. Cơ cấu kinh tế. C. Số dân nữ. D. Số dân nam.
- Câu 9.** Khu vực Mỹ La-tinh gồm
A. Mê-hi-cô, Trung và Bắc Mỹ, kênh đào Xuy-ê và kênh Pa-na-ma.
B. Mê-hi-cô, Trung và Bắc Mỹ, các quần đảo trong vịnh Ca-ri-bê.
C. Mê-hi-cô, Trung và Nam Mỹ, quần đảo Ăng-ti, kênh đào Xuy-ê.
D. Mê-hi-cô, Trung và Nam Mỹ, các quần đảo trong vịnh Ca-ri-bê.
- Câu 10.** Hoạt động nào sau đây là chủ yếu làm mất đa dạng sinh học của rừng ở Mỹ La-tinh?
A. Mở rộng thủy điện. B. Du canh và du cư.
C. Khai thác quá mức. D. Mở rộng trồng trọt.
- Câu 11.** Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế là nhiệm vụ chủ yếu của
A. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
B. Quỹ Tiền tệ quốc tế.
C. Ngân hàng Thế giới.
D. Liên hợp quốc.
- Câu 12.** Nguyên nhân làm cho Mỹ La-tinh có nền văn hóa độc đáo chủ yếu là
A. nhiều lứa tuổi cùng hòa hợp. B. nhiều quốc gia nhập cư đến.
C. có người bản địa và da đen. D. có nhiều thành phần dân tộc.

Câu 13. Các nước đang phát triển cần chú ý vấn đề nào sau đây trong quá trình đẩy nhanh công nghiệp hóa?

- A. Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.
- B. Khai thác tốt nguồn lực của mỗi vùng trong nước.
- C. Sử dụng tốt lao động và tài nguyên ở trong nước.
- D. Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ và đủ tiện nghi.

Câu 14. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về kinh tế khu vực Mỹ La-tinh?

- A. Nhiều nước mang nợ nước ngoài rất cao.
- B. Tốc độ tăng trưởng GDP ở mức độ nhanh.
- C. Tổng GDP của toàn khu vực ở mức thấp.
- D. Chênh lệch GDP giữa các nước rất nhiều.

Câu 15. Vấn đề nào sau đây chỉ được giải quyết khi có sự hợp tác chặt chẽ của tất cả các nước trên toàn thế giới?

- A. Chống mưa axit.
- B. Ô nhiễm không khí.
- C. Sử dụng nước ngọt.
- D. An ninh toàn cầu.

Phần II. Trắc nghiệm đúng – sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Các nước phát triển thường có quy mô GDP lớn và có tốc độ tăng GDP khá ổn định. Nhóm nước này tiến hành công nghiệp hóa từ sớm và thường dẫn đầu trong các cuộc cách mạng công nghiệp trên thế giới (như Anh, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức...). Ngành dịch vụ đóng góp nhiều nhất trong GDP. Hiện nay, các nước phát triển tập trung vào đổi mới và phát triển các sản phẩm có hàm lượng khoa học – công nghệ và tri thức cao.

- a) Các nước phát triển thường có quy mô GDP nhỏ.
- b) Ngành dịch vụ các nước phát triển đóng góp nhiều nhất trong GDP.
- c) Các nước phát triển có tốc độ tăng GDP không ổn định.
- d) Các nước phát triển tiến hành công nghiệp hóa từ sớm.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU DÂN SỐ THEO TUỔI Ở KHU VỰC MỸ LA-TINH GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

(Đơn vị: %)

Nhóm tuổi	2000	2010	2015	2020
Dưới 15 tuổi	32,2	27,7	25,6	23,9
Từ 15 đến 64 tuổi	62,1	65,5	66,6	67,2
Từ 65 tuổi trở lên	5,7	6,8	7,8	8,9

a) Dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở khu vực Mỹ La-tinh giai đoạn 2000 – 2020 là biểu đồ miền.

- b) Tỷ lệ dân số nhóm dưới 15 tuổi giảm liên tục.
- c) Tỷ lệ dân số từ 15 đến 64 tuổi giảm liên tục.
- d) Nhóm tuổi từ 65 tuổi trở lên tăng nhiều nhất.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

TUỔI THỌ TRUNG BÌNH CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: tuổi)

Nhóm nước	Nước	Năm 2005	Năm 2010	Năm 2020
Phát triển	Ca-na-đa	80	81	81
	Nhật Bản	82	83	83
	Phân Lan	79	80	81
Đang phát triển	Mô-dam-bích	42	48	53
	Ha-i-ti	52	61	63
	In-đô-nê-xi-a	68	71	71
Thế giới	-	67	69	71

- a) Các nước phát triển có tuổi thọ trung bình tăng nhanh hơn các nước đang phát triển.

- b) Tuổi thọ trung bình của dân số thế giới ngày càng tăng.
- c) Các nước đang phát triển có tuổi thọ trung bình tăng nhanh hơn các nước phát triển.
- d) Các nước đang phát triển có tuổi thọ trung bình của người dân không tăng.

Câu 4. Cho đoạn thông tin sau:

An ninh lương thực luôn là vấn đề cần phải quan tâm hàng đầu ở mỗi quốc gia. Thế giới đang phải đối mặt với sự biến đổi của khí hậu, xung đột và bất ổn vẫn còn xảy ra ở nhiều khu vực,... Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới khủng hoảng an ninh lương thực toàn cầu.

- a) Xung đột ở nhiều nơi đang làm cho sản xuất nông nghiệp bị đình trệ, cản trở việc cứu trợ nhân đạo.
- b) Biến đổi khí hậu đang làm gia tăng hạn hán, lũ lụt,... ảnh hưởng tới năng suất và sản lượng lương thực.
- c) Nếu không chấm dứt được xung đột, sẽ làm đứt gãy chuỗi cung ứng và tác động tới an ninh lương thực.
- d) Số người thiếu lương thực trên thế giới đang giảm nhanh, an ninh lương thực đã ổn định.

Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2000 – 2019

Năm	2000	2010	2015	2019
Sản lượng lương thực (triệu tấn)	2060,0	2476,4	2550,9	2964,4

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tốc độ tăng trưởng của sản lượng lương thực thế giới năm 2019 so với năm 2010 là bao nhiêu %? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2. Năm 2022, sản lượng điện của nước ta là 268 400 triệu KWh và dân số nước ta là 98,19 triệu người. Tính sản lượng điện bình quân đầu người (đơn vị: KWh/người) năm 2022 của nước ta (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU GDP CỦA NƯỚC TA NĂM 2021

(Đơn vị: %)

Ngành	Tỉ trọng
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	12,36
Công nghiệp và xây dựng	37,86
Dịch vụ	40,95
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	8,83

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính GDP ngành công nghiệp và xây dựng của nước ta năm 2021 biết tổng GDP của nước ta năm 2021 đạt 366 tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2022

(Đơn vị: triệu người)

Khu vực	Quy mô dân số
Thế giới	7963
Châu Phi	1419
Châu Mỹ	1028
Châu Á	4730
Châu Âu	742
Châu Đại Dương	44

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng dân số của châu Mỹ trong tổng dân số thế giới năm 2022 (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất sau dấu phẩy).

Câu 5. Năm 2020, trị giá xuất khẩu của toàn thế giới là 22 350,6 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 21 720,7 tỉ USD. Hãy tính cán cân xuất khẩu, nhập khẩu của toàn thế giới năm 2020 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019

Quốc gia	Nam Phi	Cô-lôm-bi-a	Ai Cập	Pê-ru
Diện tích (nghìn km^2)	1219	1142	1002	1285
Dân số (nghìn người)	58600	54400	99100	31800

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết mật độ dân số của Nam Phi năm 2019 là bao nhiêu người/ km^2 ?
(Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

----HẾT---

PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Bài thi: Địa lý 11 sáng Kỳ thi: Ngày thi:/...../20.....

7. Số báo danh

--	--	--	--	--	--

8. Mã đề

--	--	--

Họ tên, chữ ký
của cán bộ coi thi 1

Họ tên, chữ ký
của cán bộ coi thi 2

- Hội đồng thi:
- Điểm thi:
- Phòng thi số:
- Họ và tên thí sinh:
- Ngày sinh:/...../..... (Nam/Nữ)
- Chữ ký của thí sinh:

0						
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						

0			
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			

PHẦN I

	A	B	C	D
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

	A	B	C	D
11				
12				
13				
14				
15				

PHẦN II

Câu 1

	Đ	S
a)		
b)		
c)		
d)		

Câu 2

	Đ	S
a)		
b)		
c)		
d)		

Câu 3

	Đ	S
a)		
b)		
c)		
d)		

Câu 4

	Đ	S
a)		
b)		
c)		
d)		

PHẦN III

Câu 1

--	--	--	--

-			
,			
0			
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			

Câu 2

--	--	--	--

-			
,			
0			
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			

Câu 3

--	--	--	--

-			
,			
0			
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			

Câu 4

--	--	--	--

-			
,			
0			
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			

Câu 5

--	--	--	--

-			
,			
0			
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			

Câu 6

--	--	--	--

-			
,			
0			
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			

Type:

--	--	--	--	--	--	--

v15.0

Đề/câu	Gốc 1	Gốc 2	111	112	113	114	115	116	117	118	119
1	B	A	A	D	B	B	B	D	B	C	A
2	A	B	D	C	C	A	A	B	C	D	B
3	D	C	B	A	A	B	B	D	A	A	C
4	A	A	C	D	B	D	C	A	C	D	A
5	B	A	C	C	B	D	D	A	C	D	B
6	A	A	B	B	A	B	B	B	D	C	A
7	C	B	A	C	B	A	B	C	C	A	C
8	B	B	A	D	A	D	B	C	C	B	A
9	B	B	D	A	C	D	C	B	A	D	B
10	D	B	B	C	C	A	B	B	B	C	D
11	C	A	D	B	A	C	C	A	A	D	D
12	D	C	C	C	A	A	D	D	C	D	A
13	A	A	B	D	A	A	C	D	B	A	C
14	A	A	A	A	D	B	A	A	B	B	D
15	B	D	B	D	C	D	D	B	C	D	D
Câu hỏi đúng/sai											
Câu 1	ĐSĐS	SĐĐS	SĐSĐ	SĐSĐ	SĐSĐ	ĐSĐS	SĐĐS	ĐĐSĐ	SSĐĐ	SĐSĐ	ĐSĐS
Câu 2	SĐSĐ	ĐSĐS	ĐĐSS	SĐSĐ	ĐĐĐS	SĐSĐ	ĐSĐĐ	SĐĐS	ĐSĐĐ	ĐĐSS	SĐSĐ
Câu 3	SĐĐĐ	SĐĐĐ	ĐĐSS	ĐSĐĐ	ĐSSĐ	ĐĐSS	SĐSĐ	ĐĐSS	SĐĐS	SĐĐS	SĐĐĐ
Câu 4	SĐĐĐ	SĐĐĐ	ĐĐSĐ	ĐĐSS	ĐSĐĐ	ĐĐĐS	ĐSĐĐ	ĐSSĐ	ĐSĐĐ	ĐĐĐS	SĐĐS
Câu trắc nghiệm trả lời ngắn											
Câu 1	124	120	59,4	12,9	124	12,9	124	2733	16	120	120
Câu 2	16	630	124	2733	45	2733	59,4	630	45	2733	139
Câu 3	2829	139	45	630	59,4	48	25	139	2829	139	12,9
Câu 4	45	12,9	25	139	25	139	45	12,9	59,4	12,9	48
Câu 5	59,4	48	2829	48	16	630	16	120	25	630	630
Câu 6	25	2733	16	120	2829	120	2829	48	124	48	2733

[Signature]

[Signature]

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC KHỐI CHIỀU

Họ và tên: Lớp: Mã đề 111

Phần I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chọn một phương án.

Câu 1. Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế là nhiệm vụ chủ yếu của

- A. Liên hợp quốc.
- B. Quỹ Tiền tệ quốc tế.
- C. Ngân hàng Thế giới.
- D. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.

Câu 2. Vấn đề nào sau đây hiện nay đang đe dọa nghiêm trọng đến an ninh của nhiều quốc gia trên thế giới?

- A. Buôn bán vũ khí.
- B. Các vụ khủng bố.
- C. Xung đột tôn giáo.
- D. Xung đột sắc tộc.

Câu 3. Nguyên nhân làm cho số dân đô thị ở khu vực Mỹ La-tinh tăng nhanh là

- A. lao động ở khu vực dịch vụ tăng và nhập cư.
- B. lao động kỹ thuật gia tăng và tỉ suất sinh cao.
- C. di cư từ nông thôn đến và gia tăng tự nhiên.
- D. nhập cư từ châu lục khác đến nhiều, di cư ít.

Câu 4. Sự ra đời của tổ chức nào sau đây là biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế?

- A. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
- B. Liên minh châu Âu (EU).
- C. Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR).
- D. Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Câu 5. Nhóm nước phát triển có

- A. tỉ trọng của nông nghiệp còn rất lớn.
- B. chỉ số phát triển con người còn thấp.
- C. tỉ trọng của dịch vụ trong GDP thấp.
- D. thu nhập bình quân đầu người cao.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với rừng A-ma-dôn?

- A. Là một khu bảo tồn thiên nhiên thế giới.
- B. Hoàn toàn không có sự cư trú và sản xuất.
- C. Chiếm hơn 50% rừng mưa của Trái Đất.
- D. Rất phong phú về loài thực vật, động vật.

Câu 7. Các nước phát triển so với các nước đang phát triển thường có

- A. chỉ số HDI vào loại rất cao.
- B. tỉ lệ gia tăng dân số còn lớn.
- C. tuổi thọ trung bình khá.
- D. tỉ lệ người biết chữ rất thấp.

Câu 8. Tổ chức các diễn đàn đàm phán thương mại là chức năng chủ yếu của

- A. Quỹ Tiền tệ quốc tế.
- B. Tổ chức Thương mại Thế giới.
- C. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
- D. Ngân hàng Thế giới.

Câu 9. Nội dung nào sau đây là một tiêu chí chủ yếu dùng để phân chia các nhóm nước trên thế giới?

- A. Cơ cấu kinh tế.
- B. Thành phần dân tộc.
- C. Diện tích lãnh thổ.
- D. Vị trí địa lí.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về kinh tế khu vực Mỹ La-tinh?

- A. Tốc độ tăng trưởng GDP ở mức độ nhanh.
- B. Chênh lệch GDP giữa các nước rất nhiều.
- C. Nhiều nước mang nợ nước ngoài rất cao.
- D. Tổng GDP của toàn khu vực ở mức thấp.

Câu 11. Các nước đang phát triển cần chú ý vấn đề nào sau đây trong quá trình đẩy nhanh công nghiệp hóa?

- A. Sử dụng tốt lao động và tài nguyên ở trong nước.
- B. Khai thác tốt nguồn lực của mỗi vùng trong nước.
- C. Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ và đủ tiện nghi.
- D. Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Câu 12. Phía đông các đảo của quần đảo Ăng-ti do có nhiều mưa nên phát triển mạnh

- A. rừng rậm.
- B. rừng thưa.
- C. xa-van.
- D. cây bụi.

Câu 13. Các ngành kinh tế chủ đạo ở Mỹ La-tinh là

A. đánh cá, du lịch, nuôi trồng thủy sản.

C. trồng trọt, chăn nuôi và khai khoáng.

B. khai khoáng, chế tạo máy và du lịch.

D. khai khoáng, nông nghiệp và du lịch.

Câu 14. Tác động của đại dịch Covid-19 đến kinh tế toàn cầu là

A. giảm thu nhập của những người lao động.

C. làm suy giảm GDP của hầu hết các nước.

B. làm thiệt hại sinh mạng rất nhiều người.

D. gây ra nạn thất nghiệp trên toàn thế giới.

Câu 15. Khu vực Mỹ La-tinh có phía nam giáp với

A. Nam Đại Dương.

B. Ấn Độ Dương.

C. Đại Tây Dương.

D. Thái Bình Dương.

Phần II. Trắc nghiệm đúng – sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU DÂN SỐ THEO TUỔI Ở KHU VỰC MỸ LA-TINH GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

(Đơn vị: %)

Nhóm tuổi	2000	2010	2015	2020
Dưới 15 tuổi	32,2	27,7	25,6	23,9
Từ 15 đến 64 tuổi	62,1	65,5	66,6	67,2
Từ 65 tuổi trở lên	5,7	6,8	7,8	8,9

a) Tỷ lệ dân số nhóm dưới 15 tuổi giảm liên tục.

b) Dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở khu vực Mỹ La-tinh giai đoạn 2000 – 2020 là biểu đồ miền.

c) Nhóm tuổi từ 65 tuổi trở lên tăng nhiều nhất.

d) Tỷ lệ dân số từ 15 đến 64 tuổi giảm liên tục.

Câu 2. Cho đoạn thông tin sau:

Mỹ La-tinh có số dân 652 triệu người (năm 2020). Trước đây khu vực Mỹ La-tinh có tỷ lệ tăng dân số thuộc loại cao, hiện nay đã giảm nhiều, tỷ lệ tăng dân số cả khu vực năm 2020 là 0,94% và có sự chênh lệch giữa các quốc gia. Mỹ La-tinh là một trong những khu vực có sự đa dạng về chủng tộc bậc nhất trên thế giới. Mỹ La-tinh đang trong thời kỳ dân số vàng và có sự thay đổi theo hướng già hoá dân số.

a) Mỹ La-tinh có số dân sống dưới mức nghèo khổ đông.

b) Đô thị hóa tự phát ở Mỹ La-tinh diễn ra khá phổ biến.

c) Mỹ La-tinh là khu vực đa dân tộc, tỷ lệ dân theo đạo Hồi cao.

d) Tỷ lệ già tăng dân số của Mỹ La-tinh có xu hướng giảm.

Câu 3. Cho bảng số liệu sau:

XU HƯỚNG THAY ĐỔI CHỈ SỐ HDI CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC NHÓM NƯỚC QUA CÁC NĂM

Nhóm nước	1990	2000	2010	2020
Các nước phát triển	0,785	0,834	0,872	0,880
Các nước đang phát triển	0,513	0,568	0,642	0,660
Các nước kém phát triển nhất	0,348	0,399	0,484	0,502
Thế giới	0,597	0,641	0,697	0,711

a) Chỉ số HDI của các nước đang phát triển tăng liên tục qua các năm.

b) Chỉ số HDI của các nước kém phát triển nhất giảm liên tục qua các năm.

c) Chỉ số HDI của các nước phát triển cao nhất và tăng liên tục qua các năm.

d) Chỉ số HDI của các nước phát triển giảm liên tục qua các năm.

Câu 4. Cho đoạn thông tin sau:

An ninh lương thực luôn là vấn đề cần phải quan tâm hàng đầu ở mỗi quốc gia. Thế giới đang phải đối mặt với sự biến đổi của khí hậu, xung đột và bất ổn vẫn còn xảy ra ở nhiều khu vực,... Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới khủng hoảng an ninh lương thực toàn cầu.

- a) Số người thiếu lương thực trên thế giới đang giảm nhanh, an ninh lương thực đã ổn định.
b) Nếu không chấm dứt được xung đột, sẽ làm đứt gãy chuỗi cung ứng và tác động tới an ninh lương thực.
c) Biến đổi khí hậu đang làm gia tăng hạn hán, lũ lụt,... ảnh hưởng tới năng suất và sản lượng lương thực.
d) Xung đột ở nhiều nơi đang làm cho sản xuất nông nghiệp bị đình trệ, cản trở việc cứu trợ nhân đạo.

Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU GDP CỦA NƯỚC TA NĂM 2021

(Đơn vị: %)

Ngành	Tỉ trọng
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	12,36
Công nghiệp và xây dựng	37,86
Dịch vụ	40,95
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	8,83

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính GDP ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản của nước ta năm 2021 biết tổng GDP của nước ta năm 2021 đạt 366 tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2022

(Đơn vị: triệu người)

Khu vực	Quy mô dân số
Thế giới	7963
Châu Phi	1419
Châu Mỹ	1028
Châu Á	4730
Châu Âu	742
Châu Đại Dương	44

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng dân số của châu Âu trong tổng dân số thế giới năm 2022 (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất sau dấu phẩy).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2000 – 2019

Năm	2000	2010	2015	2019
Sản lượng lương thực (triệu tấn)	2060,0	2476,4	2550,9	2964,4

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tốc độ tăng trưởng của sản lượng lương thực thế giới năm 2010 so với năm 2000 là bao nhiêu %? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019

Quốc gia	Nam Phi	Cô-lôm-bi-a	Ai Cập	Pê-ru
Diện tích (nghìn km ²)	1219	1142	1002	1285
Dân số (nghìn người)	58600	54400	99100	31800

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết mật độ dân số của Ai Cập năm 2019 là bao nhiêu người/km²? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5. Năm 2021, sản lượng điện của nước ta là 256 700 triệu KWh và dân số nước ta là 97,47 triệu người. Hãy tính sản lượng điện bình quân đầu người (đơn vị: KWh/người) năm 2021 của nước ta (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6. Năm 2010, trị giá xuất khẩu của toàn thế giới là 19 009,0 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 18 467,2 tỉ USD. Hãy tính cán cân xuất khẩu, nhập khẩu của toàn thế giới năm 2010 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

---HẾT---

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC KHỎI CHIỀU

Môn: Địa lí 11 - Ngày KT:/10/2024

Thời gian làm bài: 45 phút

(Đề thi gồm 4 trang)

Họ và tên:

Lớp:

Mã đề 112

Phần I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chọn một phương án.

Câu 1. Tổ chức liên kết kinh tế có GDP lớn nhất hiện nay là

- A. Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR).
- B. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC).
- C. Liên minh châu Âu (EU).
- D. Hiệp ước tự do thương mại Bắc Mỹ (NAFTA).

Câu 2. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với các nước phát triển?

- A. GDP bình quân đầu người cao.
- B. Đầu tư nước ngoài (FDI) nhiều.
- C. Còn có nợ nước ngoài nhiều.
- D. Chỉ số phát triển con người cao.

Câu 3. Khu vực Mỹ La-tinh có

- A. gia tăng dân số rất nhỏ, dân già.
- B. dân số ít, cơ cấu dân số rất già.
- C. gia tăng dân số rất cao, dân trẻ.
- D. dân số đông, cơ cấu dân số trẻ.

Câu 4. Các ngành kinh tế chủ đạo ở Mỹ La-tinh là

- A. trồng trọt, chăn nuôi và khai khoáng.
- B. khai khoáng, nông nghiệp và du lịch.
- C. khai khoáng, chế tạo máy và du lịch.
- D. đánh cá, du lịch, nuôi trồng thủy sản.

Câu 5. Quần đảo Ăng-ti nằm ở

- A. Thái Bình Dương.
- B. vịnh Ca-li-phooc-ni-a.
- C. Đại Tây Dương.
- D. vịnh Ca-ri-bê.

Câu 6. Giám sát hệ thống tài chính toàn cầu là nhiệm vụ chủ yếu của

- A. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
- B. Quỹ Tiền tệ quốc tế.
- C. Tổ chức Thương mại Thế giới.
- D. Ngân hàng Thế giới.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về rừng ở khu vực Mỹ La-tinh?

- A. Cung cấp các loại lâm sản có giá trị.
- B. Là nơi dân cư phân bố rất tập trung.
- C. Góp phần bảo tồn đa dạng sinh học.
- D. Giúp cân bằng môi trường sinh thái.

Câu 8. Các nước đang phát triển cần chú ý vấn đề nào sau đây trong quá trình đẩy nhanh công nghiệp hóa?

- A. Sử dụng tốt lao động và tài nguyên ở trong nước.
- B. Khai thác tốt nguồn lực của mỗi vùng trong nước.
- C. Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.
- D. Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ và đủ tiện nghi.

Câu 9. Các quần đảo trong vịnh Ca-ri-bê có thuận lợi chủ yếu cho phát triển ngành nào sau đây?

- A. Khai khoáng.
- B. Chăn nuôi.
- C. Du lịch.
- D. Thủy điện.

Câu 10. Đe dọa trực tiếp tới ổn định, hòa bình của thế giới **không** phải là

- A. xung đột tôn giáo.
- B. biến đổi khí hậu.
- C. các vụ khủng bố.
- D. xung đột sắc tộc.

Câu 11. Nội dung nào sau đây là một tiêu chí chủ yếu dùng để phân chia các nhóm nước trên thế giới?

- A. Vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ của các quốc gia.
- B. Tỷ lệ bé trai trong tổng số trẻ em.
- C. Thu nhập quốc gia bình quân đầu người (GNI/người).
- D. Tỷ lệ giới tính trong tổng dân số.

Câu 12. Nhóm nước đang phát triển có

A. tỉ trọng của dịch vụ trong GDP cao.

B. tỉ trọng của nông nghiệp rất nhỏ bé.

C. thu nhập bình quân đầu người cao.

D. chỉ số phát triển con người còn thấp.

Câu 13. Ý nào sau đây **không** phải là tác động tích cực của toàn cầu hóa kinh tế?

A. Làm gia tăng nhanh khoảng cách giàu nghèo trên thế giới.

B. Thúc đẩy sản xuất phát triển và tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

C. Tăng cường sự hợp tác về kinh tế, văn hóa giữa các nước.

D. Đẩy nhanh đầu tư và khai thác triệt để khoa học, công nghệ.

Câu 14. Phát biểu nào sau đây là biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế?

A. Tăng nhanh tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm.

B. Hạn chế sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước.

C. Nhiều tổ chức liên kết chính trị khu vực ra đời.

D. Các công ty xuyên quốc gia ngày càng mở rộng.

Câu 15. Khu vực Mỹ La-tinh có phía đông giáp với

A. Thái Bình Dương.

B. Nam Đại Dương.

C. Ấn Độ Dương.

D. Đại Tây Dương.

Phần II. Trắc nghiệm đúng – sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

TUỔI THỌ TRUNG BÌNH CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: tuổi)

Nhóm nước	Nước	Năm 2005	Năm 2010	Năm 2020
Phát triển	Ca-na-đa	80	81	81
	Nhật Bản	82	83	83
	Phần Lan	79	80	81
Đang phát triển	Mô-dam-bích	42	48	53
	Ha-i-ti	52	61	63
	In-đô-nê-xi-a	68	71	71
Thế giới	-	67	69	71

a) Các nước phát triển có tuổi thọ trung bình tăng nhanh hơn các nước đang phát triển.

b) Các nước đang phát triển có tuổi thọ trung bình của người dân không tăng.

c) Tuổi thọ trung bình của dân số thế giới ngày càng tăng.

d) Các nước đang phát triển có tuổi thọ trung bình tăng nhanh hơn các nước phát triển.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Phần đất liền Mỹ La-tinh trải dài từ khoảng vĩ độ 33⁰B đến gần vĩ độ 54⁰N, tiếp giáp với ba đại dương: phía đông là Đại Tây Dương, phía tây là Thái Bình Dương và phía nam là Nam Đại Dương.

a) Mỹ La-tinh nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.

b) Thuận lợi cho giao lưu với các châu lục và khu vực khác bằng đường bộ.

c) Kinh tế biển là thế mạnh của Mỹ La-tinh.

d) Nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

**SỐ DÂN, TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ
Ở KHU VỰC MỸ LA-TINH GIAI ĐOẠN 2000 - 2020**

Tiêu chí	2000	2005	2010	2020
Số dân (triệu người)	520,0	557,5	589,9	652,3
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	1,56	1,26	1,19	0,94
Tỉ lệ dân thành thị (%)	75,5	76,1	78,5	80,1

a) Tỉ lệ gia tăng dân số ở khu vực Mỹ La-tinh giảm nhưng vẫn ở mức rất cao.

b) Tỉ lệ gia tăng dân số và tỉ lệ dân thành thị ở khu vực Mỹ La-tinh tăng liên tục.

c) Tỷ lệ dân thành thị ở khu vực Mỹ La-tinh cao và tăng liên tục.

d) Mỹ La-tinh là khu vực đông dân và có dân số tăng nhanh.

Câu 4. Cho đoạn thông tin sau:

An ninh lương thực luôn là vấn đề cần phải quan tâm hàng đầu ở mỗi quốc gia. Thế giới đang phải đối mặt với sự biến đổi của khí hậu, xung đột và bất ổn vẫn còn xảy ra ở nhiều khu vực,... Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới khủng hoảng an ninh lương thực toàn cầu.

a) Biến đổi khí hậu đang làm gia tăng hạn hán, lũ lụt,... ảnh hưởng tới năng suất và sản lượng lương thực.

b) Nếu không chấm dứt được xung đột, sẽ làm đứt gãy chuỗi cung ứng và tác động tới an ninh lương thực.

c) Số người thiếu lương thực trên thế giới đang giảm nhanh, an ninh lương thực đã ổn định.

d) Xung đột ở nhiều nơi đang làm cho sản xuất nông nghiệp bị đình trệ, cản trở việc cứu trợ nhân đạo.

Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Năm 2019, sản lượng điện của nước ta là 209 770 triệu KWh và dân số nước ta là 95,78 triệu người. Tính sản lượng điện bình quân đầu người (đơn vị: KWh/người) năm 2019 của nước ta (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2022

(Đơn vị: triệu người)

Khu vực	Quy mô dân số
Thế giới	7963
Châu Phi	1419
Châu Mỹ	1028
Châu Á	4730
Châu Âu	742
Châu Đại Dương	44

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng dân số của châu Phi trong tổng dân số thế giới năm 2022 (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất sau dấu phẩy).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019

Quốc gia	Nam Phi	Cô-lôm-bi-a	Ai Cập	Pê-ru
Diện tích (nghìn km ²)	1219	1142	1002	1285
Dân số (nghìn người)	58600	54400	99100	31800

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết mật độ dân số của Cô-lôm-bi-a năm 2019 là bao nhiêu người/km²? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU GDP CỦA NƯỚC TA NĂM 2021

(Đơn vị: %)

Ngành	Tỉ trọng
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	12,36
Công nghiệp và xây dựng	37,86
Dịch vụ	40,95
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	8,83

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính GDP ngành dịch vụ của nước ta năm 2021 biết tổng GDP của nước ta năm 2021 đạt 366 tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5. Năm 2019, trị giá xuất khẩu của toàn thế giới là 24 970,7 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 24 418,2 tỉ USD. Hãy tính cán cân xuất khẩu, nhập khẩu của toàn thế giới năm 2019 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2000 – 2019

Năm	2000	2010	2015	2019
Sản lượng lương thực (triệu tấn)	2060,0	2476,4	2550,9	2964,4

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tốc độ tăng trưởng của sản lượng lương thực thế giới năm 2019 so với năm 2000 là bao nhiêu %? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

----HẾT---

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC KHỎI CHIỀU

Họ và tên:

Lớp:

Mã đề 113

Phần I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chọn một phương án.

Câu 1. Các nước đang phát triển cần chú ý vấn đề nào sau đây trong quá trình đẩy nhanh công nghiệp hóa?

- A. Khai thác tốt nguồn lực của mỗi vùng trong nước.
- B. Sử dụng tốt lao động và tài nguyên ở trong nước.
- C. Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ và đủ tiện nghi.
- D. Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Câu 2. Các nước phát triển so với các nước đang phát triển thường có

- A. chỉ số HDI vào loại rất cao.
- B. tỉ lệ người biết chữ rất thấp.
- C. tỉ lệ gia tăng dân số còn lớn.
- D. tuổi thọ trung bình khá.

Câu 3. Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế là nhiệm vụ chủ yếu của

- A. Liên hợp quốc.
- B. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
- C. Ngân hàng Thế giới.
- D. Quỹ Tiền tệ quốc tế.

Câu 4. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với rừng A-ma-dôn?

- A. Là một khu bảo tồn thiên nhiên thế giới.
- B. Chiếm hơn 50% rừng mưa của Trái Đất.
- C. Hoàn toàn không có sự cư trú và sản xuất.
- D. Rất phong phú về loài thực vật, động vật.

Câu 5. Vấn đề nào sau đây hiện nay đang đe dọa nghiêm trọng đến an ninh của nhiều quốc gia trên thế giới?

- A. Xung đột sắc tộc.
- B. Xung đột tôn giáo.
- C. Các vụ khủng bố.
- D. Buôn bán vũ khí.

Câu 6. Tổ chức các diễn đàn đàm phán thương mại là chức năng chủ yếu của

- A. Ngân hàng Thế giới.
- B. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
- C. Tổ chức Thương mại Thế giới.
- D. Quỹ Tiền tệ quốc tế.

Câu 7. Nội dung nào sau đây là một tiêu chí chủ yếu dùng để phân chia các nhóm nước trên thế giới?

- A. Cơ cấu kinh tế.
- B. Diện tích lãnh thổ.
- C. Vị trí địa lí.
- D. Thành phần dân tộc.

Câu 8. Khu vực Mỹ La-tinh có phía nam giáp với

- A. Đại Tây Dương.
- B. Nam Đại Dương.
- C. Ấn Độ Dương.
- D. Thái Bình Dương.

Câu 9. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về kinh tế khu vực Mỹ La-tinh?

- A. Tốc độ tăng trưởng GDP ở mức độ nhanh.
- B. Chênh lệch GDP giữa các nước rất nhiều.
- C. Nhiều nước mang nợ nước ngoài rất cao.
- D. Tổng GDP của toàn khu vực ở mức thấp.

Câu 10. Nguyên nhân làm cho số dân đô thị ở khu vực Mỹ La-tinh tăng nhanh là

- A. lao động kĩ thuật gia tăng và tỉ suất sinh cao.
- B. di cư từ nông thôn đến và gia tăng tự nhiên.
- C. lao động ở khu vực dịch vụ tăng và nhập cư.
- D. nhập cư từ châu lục khác đến nhiều, di cư ít.

Câu 11. Tác động của đại dịch Covid-19 đến kinh tế toàn cầu là

- A. gây ra nạn thất nghiệp trên toàn thế giới.
- B. làm thiệt hại sinh mạng rất nhiều người.
- C. làm suy giảm GDP của hầu hết các nước.
- D. giảm thu nhập của những người lao động.

Câu 12. Sự ra đời của tổ chức nào sau đây là biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế?

- A. Liên minh châu Âu (EU).
- B. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
- C. Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR).
- D. Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Câu 13. Các ngành kinh tế chủ đạo ở Mỹ La-tinh là

A. khai khoáng, chế tạo máy và du lịch.

B. trồng trọt, chăn nuôi và khai khoáng.

C. khai khoáng, nông nghiệp và du lịch.

D. đánh cá, du lịch, nuôi trồng thủy sản.

Câu 14. Phía đông các đảo của quần đảo Ăng-ti do có nhiều mưa nên phát triển mạnh

A. rừng rậm.

B. xa-van.

C. rừng thưa.

D. cây bụi.

Câu 15. Nhóm nước phát triển có

A. thu nhập bình quân đầu người cao.

B. tỉ trọng của nông nghiệp còn rất lớn.

C. tỉ trọng của dịch vụ trong GDP thấp.

D. chỉ số phát triển con người còn thấp.

Phần II. Trắc nghiệm đúng – sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng số liệu sau:

**XU HƯỚNG THAY ĐỔI CHỈ SỐ HDI CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC NHÓM NƯỚC
QUA CÁC NĂM**

Nhóm nước	1990	2000	2010	2020
Các nước phát triển	0,785	0,834	0,872	0,880
Các nước đang phát triển	0,513	0,568	0,642	0,660
Các nước kém phát triển nhất	0,348	0,399	0,484	0,502
Thế giới	0,597	0,641	0,697	0,711

a) Chỉ số HDI của các nước kém phát triển nhất giảm liên tục qua các năm.

b) Chỉ số HDI của các nước phát triển giảm liên tục qua các năm.

c) Chỉ số HDI của các nước phát triển cao nhất và tăng liên tục qua các năm.

d) Chỉ số HDI của các nước đang phát triển tăng liên tục qua các năm.

Câu 2. Cho đoạn thông tin sau:

Mỹ La-tinh có số dân 652 triệu người (năm 2020). Trước đây khu vực Mỹ La-tinh có tỉ lệ tăng dân số thuộc loại cao, hiện nay đã giảm nhiều, tỉ lệ tăng dân số cả khu vực năm 2020 là 0,94% và có sự chênh lệch giữa các quốc gia. Mỹ La-tinh là một trong những khu vực có sự đa dạng về chủng tộc bậc nhất trên thế giới. Mỹ La-tinh đang trong thời kì dân số vàng và có sự thay đổi theo hướng già hoá dân số.

a) Tỉ lệ gia tăng dân số của Mỹ La-tinh có xu hướng giảm.

b) Đô thị hóa tự phát ở Mỹ La-tinh diễn ra khá phổ biến.

c) Mỹ La-tinh là khu vực đa dân tộc, tỉ lệ dân theo đạo Hồi cao.

d) Mỹ La-tinh có số dân sống dưới mức nghèo khổ đông.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU DÂN SỐ THEO TUỔI Ở KHU VỰC MỸ LA-TINH GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

(Đơn vị: %)

Nhóm tuổi	2000	2010	2015	2020
Dưới 15 tuổi	32,2	27,7	25,6	23,9
Từ 15 đến 64 tuổi	62,1	65,5	66,6	67,2
Từ 65 tuổi trở lên	5,7	6,8	7,8	8,9

a) Tỉ lệ dân số nhóm dưới 15 tuổi giảm liên tục.

b) Tỉ lệ dân số từ 15 đến 64 tuổi giảm liên tục.

c) Dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở khu vực Mỹ La-tinh giai đoạn 2000 – 2020 là biểu đồ miền.

d) Nhóm tuổi từ 65 tuổi trở lên tăng nhiều nhất.

Câu 4. Cho đoạn thông tin sau:

An ninh lương thực luôn là vấn đề cần phải quan tâm hàng đầu ở mỗi quốc gia. Thế giới đang phải đối mặt với sự biến đổi của khí hậu, xung đột và bất ổn vẫn còn xảy ra ở nhiều khu vực,... Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới khủng hoảng an ninh lương thực toàn cầu.

- a) Xung đột ở nhiều nơi đang làm cho sản xuất nông nghiệp bị đình trệ, cản trở việc cứu trợ nhân đạo.
b) Số người thiếu lương thực trên thế giới đang giảm nhanh, an ninh lương thực đã ổn định.
c) Nếu không chấm dứt được xung đột, sẽ làm đứt gãy chuỗi cung ứng và tác động tới an ninh lương thực.
d) Biến đổi khí hậu đang làm gia tăng hạn hán, lũ lụt,... ảnh hưởng tới năng suất và sản lượng lương thực.

Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2000 – 2019

Năm	2000	2010	2015	2019
Sản lượng lương thực (triệu tấn)	2060,0	2476,4	2550,9	2964,4

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tốc độ tăng trưởng của sản lượng lương thực thế giới năm 2010 so với năm 2000 là bao nhiêu %? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU GDP CỦA NƯỚC TA NĂM 2021

(Đơn vị: %)

Ngành	Tỉ trọng
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	12,36
Công nghiệp và xây dựng	37,86
Dịch vụ	40,95
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	8,83

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính GDP ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản của nước ta năm 2021 biết tổng GDP của nước ta năm 2021 đạt 366 tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3. Năm 2021, sản lượng điện của nước ta là 256 700 triệu KWh và dân số nước ta là 97,47 triệu người. Tính sản lượng điện bình quân đầu người (đơn vị: KWh/người) năm 2021 của nước ta (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2022

(Đơn vị: triệu người)

Khu vực	Quy mô dân số
Thế giới	7963
Châu Phi	1419
Châu Mỹ	1028
Châu Á	4730
Châu Âu	742
Châu Đại Dương	44

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng dân số của châu Âu trong tổng dân số thế giới năm 2022 (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất sau dấu phẩy).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019

Quốc gia	Nam Phi	Cô-lôm-bi-a	Ai Cập	Pê-ru
Diện tích (nghìn km ²)	1219	1142	1002	1285
Dân số (nghìn người)	58600	54400	99100	31800

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết mật độ dân số của Ai Cập năm 2019 là bao nhiêu người/km²? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6. Năm 2010, trị giá xuất khẩu của toàn thế giới là 19 009,0 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 18 467,2 tỉ USD. Hãy tính cán cân xuất khẩu, nhập khẩu của toàn thế giới năm 2010 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

---HẾT---

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC KHỎI CHIỀU

Họ và tên:

Lớp:

Mã đề 114

Phần I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chọn một phương án.

Câu 1. Các quần đảo trong vịnh Ca-ri-bê có thuận lợi chủ yếu cho phát triển ngành nào sau đây?

- A. Chăn nuôi. B. Thủy điện. C. Du lịch. D. Khai khoáng.

Câu 2. Các nước đang phát triển cần chú ý vấn đề nào sau đây trong quá trình đẩy nhanh công nghiệp hóa?

- A. Sử dụng tốt lao động và tài nguyên ở trong nước.
B. Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ và đủ tiện nghi.
C. Khai thác tốt nguồn lực của mỗi vùng trong nước.
D. Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với các nước phát triển?

- A. Đầu tư nước ngoài (FDI) nhiều. B. Còn có nợ nước ngoài nhiều.
C. Chỉ số phát triển con người cao. D. GDP bình quân đầu người cao.

Câu 4. Ý nào sau đây **không** phải là tác động tích cực của toàn cầu hóa kinh tế?

- A. Thúc đẩy sản xuất phát triển và tăng trưởng kinh tế toàn cầu.
B. Tăng cường sự hợp tác về kinh tế, văn hóa giữa các nước.
C. Đẩy nhanh đầu tư và khai thác triệt để khoa học, công nghệ.
D. Làm gia tăng nhanh khoảng cách giàu nghèo trên thế giới.

Câu 5. Các ngành kinh tế chủ đạo ở Mỹ La-tinh là

- A. đánh cá, du lịch, nuôi trồng thủy sản. B. khai khoáng, chế tạo máy và du lịch.
C. khai khoáng, nông nghiệp và du lịch. D. trồng trọt, chăn nuôi và khai khoáng.

Câu 6. Nội dung nào sau đây là một tiêu chí chủ yếu dùng để phân chia các nhóm nước trên thế giới?

- A. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của các quốc gia.
B. Thu nhập quốc gia bình quân đầu người (GNI/người).
C. Tỷ lệ bé trai trong tổng số trẻ em.
D. Tỷ lệ giới tính trong tổng dân số.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về rừng ở khu vực Mỹ La-tinh?

- A. Góp phần bảo tồn đa dạng sinh học. B. Cung cấp các loại lâm sản có giá trị.
C. Giúp cân bằng môi trường sinh thái. D. Là nơi dân cư phân bố rất tập trung.

Câu 8. Nhóm nước đang phát triển có

- A. tỉ trọng của dịch vụ trong GDP cao. B. chỉ số phát triển con người còn thấp.
C. thu nhập bình quân đầu người cao. D. tỉ trọng của nông nghiệp rất nhỏ bé.

Câu 9. Phát biểu nào sau đây là biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế?

- A. Hạn chế sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước. B. Nhiều tổ chức liên kết chính trị khu vực ra đời.
C. Tăng nhanh tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm. D. Các công ty xuyên quốc gia ngày càng mở rộng.

Câu 10. Tổ chức liên kết kinh tế có GDP lớn nhất hiện nay là

- A. Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR).
B. Hiệp ước tự do thương mại Bắc Mỹ (NAFTA).
C. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC).
D. Liên minh châu Âu (EU).

Câu 11. Quần đảo Ăng-ti nằm ở

- A. Thái Bình Dương. B. vịnh Ca-ri-bê.
C. Đại Tây Dương. D. vịnh Ca-li-phooc-ni-a.

Câu 12. Giám sát hệ thống tài chính toàn cầu là nhiệm vụ chủ yếu của

- A. Tổ chức Thương mại Thế giới.
- B. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
- C. Ngân hàng Thế giới.
- D. Quỹ Tiền tệ quốc tế.

Câu 13. Khu vực Mỹ La-tinh có phía đông giáp với

- A. Thái Bình Dương.
- B. Đại Tây Dương.
- C. Ấn Độ Dương.
- D. Nam Đại Dương.

Câu 14. Khu vực Mỹ La-tinh có

- A. gia tăng dân số rất cao, dân trẻ.
- B. gia tăng dân số rất nhỏ, dân già.
- C. dân số ít, cơ cấu dân số rất già.
- D. dân số đông, cơ cấu dân số trẻ.

Câu 15. Đe dọa trực tiếp tới ổn định, hòa bình của thế giới **không** phải là

- A. xung đột tôn giáo.
- B. biến đổi khí hậu.
- C. các vụ khủng bố.
- D. xung đột sắc tộc.

Phần II. Trắc nghiệm đúng – sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Phần đất liền Mỹ La-tinh trải dài từ khoảng vĩ độ 33°B đến gần vĩ độ 54°N, tiếp giáp với ba đại dương: phía đông là Đại Tây Dương, phía tây là Thái Bình Dương và phía nam là Nam Đại Dương.

- a) Kinh tế biển là thế mạnh của Mỹ La-tinh.
- b) Nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây.
- c) Mỹ La-tinh nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.
- d) Thuận lợi cho giao lưu với các châu lục và khu vực khác bằng đường bộ.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

TUỔI THỌ TRUNG BÌNH CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: tuổi)

Nhóm nước	Nước	Năm 2005	Năm 2010	Năm 2020
Phát triển	Ca-na-đa	80	81	81
	Nhật Bản	82	83	83
	Phần Lan	79	80	81
Đang phát triển	Mô-dăm-bích	42	48	53
	Ha-i-ti	52	61	63
	In-đô-nê-xi-a	68	71	71
Thế giới	-	67	69	71

- a) Các nước đang phát triển có tuổi thọ trung bình của người dân không tăng.
- b) Các nước phát triển có tuổi thọ trung bình tăng nhanh hơn các nước đang phát triển.
- c) Tuổi thọ trung bình của dân số thế giới ngày càng tăng.
- d) Các nước đang phát triển có tuổi thọ trung bình tăng nhanh hơn các nước phát triển.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

**SỐ DÂN, TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ
Ở KHU VỰC MỸ LA-TINH GIAI ĐOẠN 2000 - 2020**

Tiêu chí	2000	2005	2010	2020
Số dân (triệu người)	520,0	557,5	589,9	652,3
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	1,56	1,26	1,19	0,94
Tỉ lệ dân thành thị (%)	75,5	76,1	78,5	80,1

- a) Mỹ La-tinh là khu vực đông dân và có dân số tăng nhanh.
- b) Tỉ lệ dân thành thị ở khu vực Mỹ La-tinh cao và tăng liên tục.
- c) Tỉ lệ gia tăng dân số và tỉ lệ dân thành thị ở khu vực Mỹ La-tinh tăng liên tục.

d) Tỷ lệ gia tăng dân số ở khu vực Mỹ La-tinh giảm nhưng vẫn ở mức rất cao.

Câu 4. Cho đoạn thông tin sau:

An ninh lương thực luôn là vấn đề cần phải quan tâm hàng đầu ở mỗi quốc gia. Thế giới đang phải đối mặt với sự biến đổi của khí hậu, xung đột và bất ổn vẫn còn xảy ra ở nhiều khu vực,... Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới khủng hoảng an ninh lương thực toàn cầu.

- a) Số người thiếu lương thực trên thế giới đang giảm nhanh, an ninh lương thực đã ổn định.
- b) Biến đổi khí hậu đang làm gia tăng hạn hán, lũ lụt,... ảnh hưởng tới năng suất và sản lượng lương thực.
- c) Nếu không chấm dứt được xung đột, sẽ làm đứt gãy chuỗi cung ứng và tác động tới an ninh lương thực.
- d) Xung đột ở nhiều nơi đang làm cho sản xuất nông nghiệp bị đình trệ, cản trở việc cứu trợ nhân đạo.

Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Năm 2019, sản lượng điện của nước ta là 209 770 triệu KWh và dân số nước ta là 95,78 triệu người. Tính sản lượng điện bình quân đầu người (đơn vị: KWh/người) năm 2019 của nước ta (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU GDP CỦA NƯỚC TA NĂM 2021

(Đơn vị: %)

Ngành	Tỉ trọng
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	12,36
Công nghiệp và xây dựng	37,86
Dịch vụ	40,95
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	8,83

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính GDP ngành dịch vụ của nước ta năm 2021 biết tổng GDP của nước ta năm 2021 đạt 366 tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2022

(Đơn vị: triệu người)

Khu vực	Quy mô dân số
Thế giới	7963
Châu Phi	1419
Châu Mỹ	1028
Châu Á	4730
Châu Âu	742
Châu Đại Dương	44

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng dân số của châu Phi trong tổng dân số thế giới năm 2022 (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất sau dấu phẩy).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019

Quốc gia	Nam Phi	Cô-lôm-bi-a	Ai Cập	Pê-ru
Diện tích (nghìn km ²)	1219	1142	1002	1285
Dân số (nghìn người)	58600	54400	99100	31800

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết mật độ dân số của Cô-lôm-bi-a năm 2019 là bao nhiêu người/km²? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5. Năm 2019, trị giá xuất khẩu của toàn thế giới là 24 970,7 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 24 418,2 tỉ USD. Hãy tính cán cân xuất khẩu, nhập khẩu của toàn thế giới năm 2019 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2000 – 2019

Năm	2000	2010	2015	2019
Sản lượng lương thực (triệu tấn)	2060,0	2476,4	2550,9	2964,4

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tốc độ tăng trưởng của sản lượng lương thực thế giới năm 2019 so với năm 2000 là bao nhiêu %? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

----HẾT---

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC KHỎI CHIỀU

Họ và tên: Lớp: Mã đề 115

Phần I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chọn một phương án.

- Câu 1.** Các nước đang phát triển cần chú ý vấn đề nào sau đây trong quá trình đẩy nhanh công nghiệp hóa?
A. Sử dụng tốt lao động và tài nguyên ở trong nước.
B. Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.
C. Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ và đủ tiện nghi.
D. Khai thác tốt nguồn lực của mỗi vùng trong nước.
- Câu 2.** Các ngành kinh tế chủ đạo ở Mỹ La-tinh là
A. trồng trọt, chăn nuôi và khai khoáng.
B. khai khoáng, nông nghiệp và du lịch.
C. đánh cá, du lịch, nuôi trồng thủy sản.
D. khai khoáng, chế tạo máy và du lịch.
- Câu 3.** Tác động của đại dịch Covid-19 đến kinh tế toàn cầu là
A. làm suy giảm GDP của hầu hết các nước.
B. giảm thu nhập của những người lao động.
C. gây ra nạn thất nghiệp trên toàn thế giới.
D. làm thiệt hại sinh mạng rất nhiều người.
- Câu 4.** Phía đông các đảo của quần đảo Ăng-ti do có nhiều mưa nên phát triển mạnh
A. rừng rậm.
B. xa-van.
C. rừng thưa.
D. cây bụi.
- Câu 5.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về kinh tế khu vực Mỹ La-tinh?
A. Tổng GDP của toàn khu vực ở mức thấp.
B. Chênh lệch GDP giữa các nước rất nhiều.
C. Nhiều nước mang nợ nước ngoài rất cao.
D. Tốc độ tăng trưởng GDP ở mức độ nhanh.
- Câu 6.** Vấn đề nào sau đây hiện nay đang đe dọa nghiêm trọng đến an ninh của nhiều quốc gia trên thế giới?
A. Xung đột sắc tộc.
B. Xung đột tôn giáo.
C. Buôn bán vũ khí.
D. Các vụ khủng bố.
- Câu 7.** Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế là nhiệm vụ chủ yếu của
A. Liên hợp quốc.
B. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
C. Ngân hàng Thế giới.
D. Quỹ Tiền tệ quốc tế.
- Câu 8.** Nhóm nước phát triển có
A. tỉ trọng của nông nghiệp còn rất lớn.
B. thu nhập bình quân đầu người cao.
C. tỉ trọng của dịch vụ trong GDP thấp.
D. chỉ số phát triển con người còn thấp.
- Câu 9.** Tổ chức các diễn đàn đàm phán thương mại là chức năng chủ yếu của
A. Ngân hàng Thế giới.
B. Quỹ Tiền tệ quốc tế.
C. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
D. Tổ chức Thương mại Thế giới.
- Câu 10.** Nguyên nhân làm cho số dân đô thị ở khu vực Mỹ La-tinh tăng nhanh là
A. lao động kỹ thuật gia tăng và tỉ suất sinh cao.
B. di cư từ nông thôn đến và gia tăng tự nhiên.
C. lao động ở khu vực dịch vụ tăng và nhập cư.
D. nhập cư từ châu lục khác đến nhiều, di cư ít.
- Câu 11.** Khu vực Mỹ La-tinh có phía nam giáp với
A. Nam Đại Dương.
B. Ấn Độ Dương.
C. Đại Tây Dương.
D. Thái Bình Dương.
- Câu 12.** Các nước phát triển so với các nước đang phát triển thường có
A. tuổi thọ trung bình khá.
B. tỉ lệ người biết chữ rất thấp.
C. chỉ số HDI vào loại rất cao.
D. tỉ lệ gia tăng dân số còn lớn.

Câu 13. Sự ra đời của tổ chức nào sau đây là biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế?

- A. Liên minh châu Âu (EU). B. Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).
C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). D. Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR).

Câu 14. Nội dung nào sau đây là một tiêu chí chủ yếu dùng để phân chia các nhóm nước trên thế giới?

- A. Thành phần dân tộc. B. Cơ cấu kinh tế.
C. Vị trí địa lý. D. Diện tích lãnh thổ.

Câu 15. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với rừng A-ma-dôn?

- A. Rất phong phú về loài thực vật, động vật. B. Chiếm hơn 50% rừng mưa của Trái Đất.
C. Là một khu bảo tồn thiên nhiên thế giới. D. Hoàn toàn không có sự cư trú và sản xuất.

Phần II. Trắc nghiệm đúng – sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho đoạn thông tin sau:

An ninh lương thực luôn là vấn đề cần phải quan tâm hàng đầu ở mỗi quốc gia. Thế giới đang phải đối mặt với sự biến đổi của khí hậu, xung đột và bất ổn vẫn còn xảy ra ở nhiều khu vực,... Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới khủng hoảng an ninh lương thực toàn cầu.

- a) Số người thiếu lương thực trên thế giới đang giảm nhanh, an ninh lương thực đã ổn định.
b) Xung đột ở nhiều nơi đang làm cho sản xuất nông nghiệp bị đình trệ, cản trở việc cứu trợ nhân đạo.
c) Biến đổi khí hậu đang làm gia tăng hạn hán, lũ lụt,... ảnh hưởng tới năng suất và sản lượng lương thực.
d) Nếu không chấm dứt được xung đột, sẽ làm đứt gãy chuỗi cung ứng và tác động tới an ninh lương thực.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU DÂN SỐ THEO TUỔI Ở KHU VỰC MỸ LA-TINH GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

(Đơn vị: %)

Nhóm tuổi	2000	2010	2015	2020
Dưới 15 tuổi	32,2	27,7	25,6	23,9
Từ 15 đến 64 tuổi	62,1	65,5	66,6	67,2
Từ 65 tuổi trở lên	5,7	6,8	7,8	8,9

- a) Tỷ lệ dân số nhóm dưới 15 tuổi giảm liên tục.
b) Tỷ lệ dân số từ 15 đến 64 tuổi giảm liên tục.
c) Nhóm tuổi từ 65 tuổi trở lên tăng nhiều nhất.
d) Dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở khu vực Mỹ La-tinh giai đoạn 2000 – 2020 là biểu đồ miền.

Câu 3. Cho bảng số liệu sau:

XU HƯỚNG THAY ĐỔI CHỈ SỐ HDI CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC NHÓM NƯỚC QUA CÁC NĂM

Nhóm nước	1990	2000	2010	2020
Các nước phát triển	0,785	0,834	0,872	0,880
Các nước đang phát triển	0,513	0,568	0,642	0,660
Các nước kém phát triển nhất	0,348	0,399	0,484	0,502
Thế giới	0,597	0,641	0,697	0,711

- a) Chỉ số HDI của các nước đang phát triển tăng liên tục qua các năm.
b) Chỉ số HDI của các nước phát triển cao nhất và tăng liên tục qua các năm.
c) Chỉ số HDI của các nước kém phát triển nhất giảm liên tục qua các năm.
d) Chỉ số HDI của các nước phát triển giảm liên tục qua các năm.

Câu 4. Cho đoạn thông tin sau:

Mỹ La-tinh có số dân 652 triệu người (năm 2020). Trước đây khu vực Mỹ La-tinh có tỷ lệ tăng dân số thuộc loại cao, hiện nay đã giảm nhiều, tỷ lệ tăng dân số cả khu vực năm 2020 là 0,94% và có sự chênh lệch

giữa các quốc gia. Mỹ La-tinh là một trong những khu vực có sự đa dạng về chủng tộc bậc nhất trên thế giới. Mỹ La-tinh đang trong thời kì dân số vàng và có sự thay đổi theo hướng già hoá dân số.

- a) Mỹ La-tinh là khu vực đa dân tộc, tỉ lệ dân theo đạo Hồi cao.
- b) Mỹ La-tinh có số dân sống dưới mức nghèo khổ đông.
- c) Tỉ lệ gia tăng dân số của Mỹ La-tinh có xu hướng giảm.
- d) Đô thị hóa tự phát ở Mỹ La-tinh diễn ra khá phổ biến.

Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019

Quốc gia	Nam Phi	Cô-lôm-bi-a	Ai Cập	Pê-ru
Diện tích (nghìn km ²)	1219	1142	1002	1285
Dân số (nghìn người)	58600	54400	99100	31800

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết mật độ dân số của Ai Cập năm 2019 là bao nhiêu người/km²? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2022

(Đơn vị: triệu người)

Khu vực	Quy mô dân số
Thế giới	7963
Châu Phi	1419
Châu Mỹ	1028
Châu Á	4730
Châu Âu	742
Châu Đại Dương	44

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng dân số của châu Âu trong tổng dân số thế giới năm 2022 (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất sau dấu phẩy).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU GDP CỦA NƯỚC TA NĂM 2021

(Đơn vị: %)

Ngành	Tỉ trọng
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	12,36
Công nghiệp và xây dựng	37,86
Dịch vụ	40,95
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	8,83

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính GDP ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản của nước ta năm 2021 biết tổng GDP của nước ta năm 2021 đạt 366 tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Năm 2021, sản lượng điện của nước ta là 256 700 triệu KWh và dân số nước ta là 97,47 triệu người. Tính sản lượng điện bình quân đầu người (đơn vị: KWh/người) năm 2021 của nước ta (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2000 – 2019

Năm	2000	2010	2015	2019
Sản lượng lương thực (triệu tấn)	2060,0	2476,4	2550,9	2964,4

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tốc độ tăng trưởng của sản lượng lương thực thế giới năm 2010 so với năm 2000 là bao nhiêu %? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6. Năm 2010, trị giá xuất khẩu của toàn thế giới là 19 009,0 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 18 467,2 tỉ USD. Hãy tính cán cân xuất khẩu, nhập khẩu của toàn thế giới năm 2010 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

---HẾT---

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC KHÔI CHIỀU

Họ và tên:

Lớp:

Mã đề 116

Phần I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chọn một phương án.

Câu 1. Đe dọa trực tiếp tới ổn định, hòa bình của thế giới **không** phải là

- A. biến đổi khí hậu. B. xung đột tôn giáo. C. xung đột sắc tộc. D. các vụ khủng bố.

Câu 2. Tổ chức liên kết kinh tế có GDP lớn nhất hiện nay là

- A. Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR).
B. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC).
C. Liên minh châu Âu (EU).
D. Hiệp ước tự do thương mại Bắc Mỹ (NAFTA).

Câu 3. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về rừng ở khu vực Mỹ La-tinh?

- A. Cung cấp các loại lâm sản có giá trị. B. Góp phần bảo tồn đa dạng sinh học.
C. Giúp cân bằng môi trường sinh thái. D. Là nơi dân cư phân bố rất tập trung.

Câu 4. Các nước đang phát triển cần chú ý vấn đề nào sau đây trong quá trình đẩy nhanh công nghiệp hóa?

- A. Khai thác tốt nguồn lực của mỗi vùng trong nước.
B. Sử dụng tốt lao động và tài nguyên ở trong nước.
C. Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.
D. Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ và đủ tiện nghi.

Câu 5. Nội dung nào sau đây là một tiêu chí chủ yếu dùng để phân chia các nhóm nước trên thế giới?

- A. Tỷ lệ bé trai trong tổng số trẻ em.
B. Tỷ lệ giới tính trong tổng dân số.
C. Thu nhập quốc gia bình quân đầu người (GNI/người).
D. Vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ của các quốc gia.

Câu 6. Các quần đảo trong vịnh Ca-ri-bê có thuận lợi chủ yếu cho phát triển ngành nào sau đây?

- A. Chăn nuôi. B. Thủy điện. C. Du lịch. D. Khai khoáng.

Câu 7. Nhóm nước đang phát triển có

- A. tỉ trọng của dịch vụ trong GDP cao. B. chỉ số phát triển con người còn thấp.
C. thu nhập bình quân đầu người cao. D. tỉ trọng của nông nghiệp rất nhỏ bé.

Câu 8. Khu vực Mỹ La-tinh có

- A. dân số ít, cơ cấu dân số rất già. B. gia tăng dân số rất nhỏ, dân già.
C. dân số đông, cơ cấu dân số trẻ. D. gia tăng dân số rất cao, dân trẻ.

Câu 9. Các ngành kinh tế chủ đạo ở Mỹ La-tinh là

- A. đánh cá, du lịch, nuôi trồng thủy sản. B. trồng trọt, chăn nuôi và khai khoáng.
C. khai khoáng, nông nghiệp và du lịch. D. khai khoáng, chế tạo máy và du lịch.

Câu 10. Ý nào sau đây **không** phải là tác động tích cực của toàn cầu hóa kinh tế?

- A. Tăng cường sự hợp tác về kinh tế, văn hóa giữa các nước.
B. Làm gia tăng nhanh khoảng cách giàu nghèo trên thế giới.
C. Đẩy nhanh đầu tư và khai thác triệt để khoa học, công nghệ.
D. Thúc đẩy sản xuất phát triển và tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Câu 11. Quần đảo Ăng-ti nằm ở

- A. vịnh Ca-li-phooc-ni-a. B. Thái Bình Dương.
C. vịnh Ca-ri-bê. D. Đại Tây Dương.

Câu 12. Giám sát hệ thống tài chính toàn cầu là nhiệm vụ chủ yếu của

- A. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
- B. Quỹ Tiền tệ quốc tế.
- C. Tổ chức Thương mại Thế giới.
- D. Ngân hàng Thế giới.

Câu 13. Khu vực Mỹ La-tinh có phía đông giáp với

- A. Đại Tây Dương.
- B. Thái Bình Dương.
- C. Ấn Độ Dương.
- D. Nam Đại Dương.

Câu 14. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với các nước phát triển?

- A. GDP bình quân đầu người cao.
- B. Đầu tư nước ngoài (FDI) nhiều.
- C. Chỉ số phát triển con người cao.
- D. Còn có nợ nước ngoài nhiều.

Câu 15. Phát biểu nào sau đây là biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế?

- A. Nhiều tổ chức liên kết chính trị khu vực ra đời.
- B. Hạn chế sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước.
- C. Tăng nhanh tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm.
- D. Các công ty xuyên quốc gia ngày càng mở rộng.

Phần II. Trắc nghiệm đúng – sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

**SỐ DÂN, TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ
Ở KHU VỰC MỸ LA-TINH GIAI ĐOẠN 2000 - 2020**

Tiêu chí	2000	2005	2010	2020
Số dân (triệu người)	520,0	557,5	589,9	652,3
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	1,56	1,26	1,19	0,94
Tỉ lệ dân thành thị (%)	75,5	76,1	78,5	80,1

- a) Mỹ La-tinh là khu vực đông dân và có dân số tăng nhanh.
- b) Tỉ lệ dân thành thị ở khu vực Mỹ La-tinh cao và tăng liên tục.
- c) Tỉ lệ gia tăng dân số ở khu vực Mỹ La-tinh giảm nhưng vẫn ở mức rất cao.
- d) Tỉ lệ gia tăng dân số và tỉ lệ dân thành thị ở khu vực Mỹ La-tinh tăng liên tục.

Câu 2. Cho đoạn thông tin sau:

An ninh lương thực luôn là vấn đề cần phải quan tâm hàng đầu ở mỗi quốc gia. Thế giới đang phải đối mặt với sự biến đổi của khí hậu, xung đột và bất ổn vẫn còn xảy ra ở nhiều khu vực,... Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới khủng hoảng an ninh lương thực toàn cầu.

- a) Biến đổi khí hậu đang làm gia tăng hạn hán, lũ lụt,... ảnh hưởng tới năng suất và sản lượng lương thực.
- b) Xung đột ở nhiều nơi đang làm cho sản xuất nông nghiệp bị đình trệ, cản trở việc cứu trợ nhân đạo.
- c) Nếu không chấm dứt được xung đột, sẽ làm đứt gãy chuỗi cung ứng và tác động tới an ninh lương thực.
- d) Số người thiếu lương thực trên thế giới đang giảm nhanh, an ninh lương thực đã ổn định.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

TUỔI THỌ TRUNG BÌNH CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: tuổi)

Nhóm nước	Nước	Năm 2005	Năm 2010	Năm 2020
Phát triển	Ca-na-đa	80	81	81
	Nhật Bản	82	83	83
	Phần Lan	79	80	81
Đang phát triển	Mô-dam-bích	42	48	53
	Ha-i-ti	52	61	63
	In-đô-nê-xi-a	68	71	71
Thế giới	-	67	69	71

- a) Các nước đang phát triển có tuổi thọ trung bình tăng nhanh hơn các nước phát triển.

- b) Các nước phát triển có tuổi thọ trung bình tăng nhanh hơn các nước đang phát triển.
 c) Tuổi thọ trung bình của dân số thế giới ngày càng tăng.
 d) Các nước đang phát triển có tuổi thọ trung bình của người dân không tăng.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Phần đất liền Mỹ La-tinh trải dài từ khoảng vĩ độ 33⁰B đến gần vĩ độ 54⁰N, tiếp giáp với ba đại dương: phía đông là Đại Tây Dương, phía tây là Thái Bình Dương và phía nam là Nam Đại Dương.

- a) Nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây.
 b) Kinh tế biển là thế mạnh của Mỹ La-tinh.
 c) Thuận lợi cho giao lưu với các châu lục và khu vực khác bằng đường bộ.
 d) Mỹ La-tinh nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.

Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU GDP CỦA NƯỚC TA NĂM 2021

(Đơn vị: %)

Ngành	Tỉ trọng
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	12,36
Công nghiệp và xây dựng	37,86
Dịch vụ	40,95
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	8,83

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính GDP ngành dịch vụ của nước ta năm 2021 biết tổng GDP của nước ta năm 2021 đạt 366 tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2. Năm 2019, sản lượng điện của nước ta là 209 770 triệu KWh và dân số nước ta là 95,78 triệu người. Tính sản lượng điện bình quân đầu người (đơn vị: KWh/người) năm 2019 của nước ta (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2000 – 2019

Năm	2000	2010	2015	2019
Sản lượng lương thực (triệu tấn)	2060,0	2476,4	2550,9	2964,4

Căn cứ vào bảng số liệu trên, Thấy cho biết tốc độ tăng trưởng của sản lượng lương thực thế giới năm 2019 so với năm 2000 là bao nhiêu %? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2022

(Đơn vị: triệu người)

Khu vực	Quy mô dân số
Thế giới	7963
Châu Phi	1419
Châu Mỹ	1028
Châu Á	4730
Châu Âu	742
Châu Đại Dương	44

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng dân số của châu Phi trong tổng dân số thế giới năm 2022 (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất sau dấu phẩy).

Câu 5. Năm 2019, trị giá xuất khẩu của toàn thế giới là 24 970,7 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 24 418,2 tỉ USD. Hãy tính cán cân xuất khẩu, nhập khẩu của toàn thế giới năm 2019 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019

Quốc gia	Nam Phi	Cô-lôm-bi-a	Ai Cập	Pê-ru
Diện tích (nghìn km^2)	1219	1142	1002	1285
Dân số (nghìn người)	58600	54400	99100	31800

Căn cứ và bảng số liệu trên, hãy cho biết mật độ dân số của Cô-lôm-bi-a năm 2019 là bao nhiêu người/ km^2 ?
(Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

----**HẾT**----

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC KHỎI CHIỀU

Môn: Địa lí 11 - Ngày KT:/10/2024

Thời gian làm bài: 45 phút

(Đề thi gồm 4 trang)

Họ và tên:

Lớp:

Mã đề 117

Phần I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chọn một phương án.

Câu 1. Nhóm nước phát triển có

- A. thu nhập bình quân đầu người cao.
C. tỉ trọng của nông nghiệp còn rất lớn.

- B. chỉ số phát triển con người còn thấp.
D. tỉ trọng của dịch vụ trong GDP thấp.

Câu 2. Vấn đề nào sau đây hiện nay đang đe dọa nghiêm trọng đến an ninh của nhiều quốc gia trên thế giới?

- A. Các vụ khủng bố. B. Xung đột tôn giáo. C. Buôn bán vũ khí. D. Xung đột sắc tộc.

Câu 3. Phía đông các đảo của quần đảo Ăng-ti do có nhiều mưa nên phát triển mạnh

- A. rừng thưa. B. cây bụi. C. xa-van. D. rừng rậm.

Câu 4. Tổ chức các diễn đàn đàm phán thương mại là chức năng chủ yếu của

- A. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
B. Ngân hàng Thế giới.
C. Tổ chức Thương mại Thế giới.
D. Quỹ Tiền tệ quốc tế.

Câu 5. Sự ra đời của tổ chức nào sau đây là biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế?

- A. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). B. Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR).
C. Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). D. Liên minh châu Âu (EU).

Câu 6. Các ngành kinh tế chủ đạo ở Mỹ La-tinh là

- A. trồng trọt, chăn nuôi và khai khoáng. B. đánh cá, du lịch, nuôi trồng thủy sản.
C. khai khoáng, chế tạo máy và du lịch. D. khai khoáng, nông nghiệp và du lịch.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với rừng A-ma-dôn?

- A. Rất phong phú về loài thực vật, động vật. B. Là một khu bảo tồn thiên nhiên thế giới.
C. Chiếm hơn 50% rừng mưa của Trái Đất. D. Hoàn toàn không có sự cư trú và sản xuất.

Câu 8. Các nước đang phát triển cần chú ý vấn đề nào sau đây trong quá trình đẩy nhanh công nghiệp hóa?

- A. Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ và đủ tiện nghi.
B. Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.
C. Khai thác tốt nguồn lực của mỗi vùng trong nước.
D. Sử dụng tốt lao động và tài nguyên ở trong nước.

Câu 9. Các nước phát triển so với các nước đang phát triển thường có

- A. chỉ số HDI vào loại rất cao. B. tỉ lệ gia tăng dân số còn lớn.
C. tỉ lệ người biết chữ rất thấp. D. tuổi thọ trung bình khá.

Câu 10. Nội dung nào sau đây là một tiêu chí chủ yếu dùng để phân chia các nhóm nước trên thế giới?

- A. Thành phần dân tộc. B. Cơ cấu kinh tế.
C. Diện tích lãnh thổ. D. Vị trí địa lí.

Câu 11. Khu vực Mỹ La-tinh có phía nam giáp với

- A. Thái Bình Dương. B. Nam Đại Dương. C. Ấn Độ Dương. D. Đại Tây Dương.

Câu 12. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về kinh tế khu vực Mỹ La-tinh?

- A. Tổng GDP của toàn khu vực ở mức thấp. B. Tốc độ tăng trưởng GDP ở mức độ nhanh.
C. Nhiều nước mang nợ nước ngoài rất cao. D. Chênh lệch GDP giữa các nước rất nhiều.

Câu 13. Nguyên nhân làm cho số dân đô thị ở khu vực Mỹ La-tinh tăng nhanh là

- A. lao động kĩ thuật gia tăng và tỉ suất sinh cao. B. lao động ở khu vực dịch vụ tăng và nhập cư.
C. nhập cư từ châu lục khác đến nhiều, di cư ít. D. di cư từ nông thôn đến và gia tăng tự nhiên.

Câu 14. Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế là nhiệm vụ chủ yếu của

- A. Quỹ Tiền tệ quốc tế.
- B. Liên hợp quốc.
- C. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
- D. Ngân hàng Thế giới.

Câu 15. Tác động của đại dịch Covid-19 đến kinh tế toàn cầu là

- A. giảm thu nhập của những người lao động.
- B. làm suy giảm GDP của hầu hết các nước.
- C. gây ra nạn thất nghiệp trên toàn thế giới.
- D. làm thiệt hại sinh mạng rất nhiều người.

Phần II. Trắc nghiệm đúng – sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng số liệu sau:

**XU HƯỚNG THAY ĐỔI CHỈ SỐ HDI CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC NHÓM NƯỚC
QUA CÁC NĂM**

Nhóm nước	1990	2000	2010	2020
Các nước phát triển	0,785	0,834	0,872	0,880
Các nước đang phát triển	0,513	0,568	0,642	0,660
Các nước kém phát triển nhất	0,348	0,399	0,484	0,502
Thế giới	0,597	0,641	0,697	0,711

- a) Chỉ số HDI của các nước đang phát triển tăng liên tục qua các năm.
- b) Chỉ số HDI của các nước phát triển cao nhất và tăng liên tục qua các năm.
- c) Chỉ số HDI của các nước kém phát triển nhất giảm liên tục qua các năm.
- d) Chỉ số HDI của các nước phát triển giảm liên tục qua các năm.

Câu 2. Cho đoạn thông tin sau:

An ninh lương thực luôn là vấn đề cần phải quan tâm hàng đầu ở mỗi quốc gia. Thế giới đang phải đối mặt với sự biến đổi của khí hậu, xung đột và bất ổn vẫn còn xảy ra ở nhiều khu vực,... Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới khủng hoảng an ninh lương thực toàn cầu.

- a) Biến đổi khí hậu đang làm gia tăng hạn hán, lũ lụt,... ảnh hưởng tới năng suất và sản lượng lương thực.
- b) Xung đột ở nhiều nơi đang làm cho sản xuất nông nghiệp bị đình trệ, cản trở việc cứu trợ nhân đạo.
- c) Nếu không chấm dứt được xung đột, sẽ làm đứt gãy chuỗi cung ứng và tác động tới an ninh lương thực.
- d) Số người thiếu lương thực trên thế giới đang giảm nhanh, an ninh lương thực đã ổn định.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU DÂN SỐ THEO TUỔI Ở KHU VỰC MỸ LA-TINH GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

(Đơn vị: %)

Nhóm tuổi	2000	2010	2015	2020
Dưới 15 tuổi	32,2	27,7	25,6	23,9
Từ 15 đến 64 tuổi	62,1	65,5	66,6	67,2
Từ 65 tuổi trở lên	5,7	6,8	7,8	8,9

a) Dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở khu vực Mỹ La-tinh giai đoạn 2000 – 2020 là biểu đồ miền.

- b) Nhóm tuổi từ 65 tuổi trở lên tăng nhiều nhất.
- c) Tỷ lệ dân số nhóm dưới 15 tuổi giảm liên tục.
- d) Tỷ lệ dân số từ 15 đến 64 tuổi giảm liên tục.

Câu 4. Cho đoạn thông tin sau:

Mỹ La-tinh có số dân 652 triệu người (năm 2020). Trước đây khu vực Mỹ La-tinh có tỷ lệ tăng dân số thuộc loại cao, hiện nay đã giảm nhiều, tỷ lệ tăng dân số cả khu vực năm 2020 là 0,94% và có sự chênh lệch giữa các quốc gia. Mỹ La-tinh là một trong những khu vực có sự đa dạng về chủng tộc bậc nhất trên thế giới. Mỹ La-tinh đang trong thời kỳ dân số vàng và có sự thay đổi theo hướng già hoá dân số.

- a) Mỹ La-tinh có số dân sống dưới mức nghèo khổ đông.
- b) Mỹ La-tinh là khu vực đa dân tộc, tỉ lệ dân theo đạo Hồi cao.
- c) Tỉ lệ gia tăng dân số của Mỹ La-tinh có xu hướng giảm.
- d) Đô thị hóa tự phát ở Mỹ La-tinh diễn ra khá phổ biến.

Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Năm 2021, sản lượng điện của nước ta là 256 700 triệu KWh và dân số nước ta là 97,47 triệu người. Tính sản lượng điện bình quân đầu người (đơn vị: KWh/người) năm 2021 của nước ta (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019

Quốc gia	Nam Phi	Cô-lôm-bi-a	Ai Cập	Pê-ru
Diện tích (nghìn km ²)	1219	1142	1002	1285
Dân số (nghìn người)	58600	54400	99100	31800

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết mật độ dân số của Ai Cập năm 2019 là bao nhiêu người/km²? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU GDP CỦA NƯỚC TA NĂM 2021

(Đơn vị: %)

Ngành	Tỉ trọng
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	12,36
Công nghiệp và xây dựng	37,86
Dịch vụ	40,95
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	8,83

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính GDP ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản của nước ta năm 2021 biết tổng GDP của nước ta năm 2021 đạt 366 tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2000 – 2019

Năm	2000	2010	2015	2019
Sản lượng lương thực (triệu tấn)	2060,0	2476,4	2550,9	2964,4

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tốc độ tăng trưởng của sản lượng lương thực thế giới năm 2010 so với năm 2000 là bao nhiêu %? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2022

(Đơn vị: triệu người)

Khu vực	Quy mô dân số
Thế giới	7963
Châu Phi	1419
Châu Mỹ	1028
Châu Á	4730
Châu Âu	742
Châu Đại Dương	44

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng dân số của châu Âu trong tổng dân số thế giới năm 2022 (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất sau dấu phẩy).

Câu 6. Năm 2010, trị giá xuất khẩu của toàn thế giới là 19 009,0 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 18 467,2 tỉ USD. Hãy tính cán cân xuất khẩu, nhập khẩu của toàn thế giới năm 2010 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

---HẾT---

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC KHÓI CHIỀU

Môn: Địa lí 11 - Ngày KT: /10/2024

Thời gian làm bài: 45 phút

(Đề thi gồm 4 trang)

Họ và tên:

Lớp:

Mã đề 118

Phần I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chọn một phương án.

Câu 1. Ý nào sau đây **không** phải là tác động tích cực của toàn cầu hóa kinh tế?

- A. Làm gia tăng nhanh khoảng cách giàu nghèo trên thế giới.
- B. Thúc đẩy sản xuất phát triển và tăng trưởng kinh tế toàn cầu.
- C. Đẩy nhanh đầu tư và khai thác triệt để khoa học, công nghệ.
- D. Tăng cường sự hợp tác về kinh tế, văn hóa giữa các nước.

Câu 2. Khu vực Mỹ La-tinh có phía đông giáp với

- A. Nam Đại Dương.
- B. Thái Bình Dương.
- C. Ấn Độ Dương.
- D. Đại Tây Dương.

Câu 3. Khu vực Mỹ La-tinh có

- A. dân số ít, cơ cấu dân số rất già.
- B. gia tăng dân số rất nhỏ, dân già.
- C. gia tăng dân số rất cao, dân trẻ.
- D. dân số đông, cơ cấu dân số trẻ.

Câu 4. Giám sát hệ thống tài chính toàn cầu là nhiệm vụ chủ yếu của

- A. Quỹ Tiền tệ quốc tế.
- B. Ngân hàng Thế giới.
- C. Tổ chức Thương mại Thế giới.
- D. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.

Câu 5. Nhóm nước đang phát triển có

- A. tỉ trọng của dịch vụ trong GDP cao.
- B. thu nhập bình quân đầu người cao.
- C. chỉ số phát triển con người còn thấp.
- D. tỉ trọng của nông nghiệp rất nhỏ bé.

Câu 6. Quần đảo Ăng-ti nằm ở

- A. vịnh Ca-ri-bê.
- B. Đại Tây Dương.
- C. vịnh Ca-li-phooc-ni-a.
- D. Thái Bình Dương.

Câu 7. Các ngành kinh tế chủ đạo ở Mỹ La-tinh là

- A. khai khoáng, chế tạo máy và du lịch.
- B. đánh cá, du lịch, nuôi trồng thủy sản.
- C. khai khoáng, nông nghiệp và du lịch.
- D. trồng trọt, chăn nuôi và khai khoáng.

Câu 8. Các quần đảo trong vịnh Ca-ri-bê có thuận lợi chủ yếu cho phát triển ngành nào sau đây?

- A. Du lịch.
- B. Thủy điện.
- C. Khai khoáng.
- D. Chăn nuôi.

Câu 9. Tổ chức liên kết kinh tế có GDP lớn nhất hiện nay là

- A. Liên minh châu Âu (EU).
- B. Hiệp ước tự do thương mại Bắc Mỹ (NAFTA).
- C. Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR).
- D. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC).

Câu 10. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về rừng ở khu vực Mỹ La-tinh?

- A. Giúp cân bằng môi trường sinh thái.
- B. Cung cấp các loại lâm sản có giá trị.
- C. Là nơi dân cư phân bố rất tập trung.
- D. Góp phần bảo tồn đa dạng sinh học.

Câu 11. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với các nước phát triển?

- A. Đầu tư nước ngoài (FDI) nhiều.
- B. GDP bình quân đầu người cao.
- C. Còn có nợ nước ngoài nhiều.
- D. Chỉ số phát triển con người cao.

Câu 12. Phát biểu nào sau đây là biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế?

- A. Nhiều tổ chức liên kết chính trị khu vực ra đời.
- B. Tăng nhanh tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm.
- C. Các công ty xuyên quốc gia ngày càng mở rộng.
- D. Hạn chế sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước.

Câu 13. Đe dọa trực tiếp tới ổn định, hòa bình của thế giới **không** phải là

- A. các vụ khủng bố. B. biến đổi khí hậu. C. xung đột tôn giáo. D. xung đột sắc tộc.

Câu 14. Nội dung nào sau đây là một tiêu chí chủ yếu dùng để phân chia các nhóm nước trên thế giới?

- A. Thu nhập quốc gia bình quân đầu người (GNI/người).
B. Tỷ lệ bé trai trong tổng số trẻ em.
C. Vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ của các quốc gia.
D. Tỷ lệ giới tính trong tổng dân số.

Câu 15. Các nước đang phát triển cần chú ý vấn đề nào sau đây trong quá trình đẩy nhanh công nghiệp hóa?

- A. Khai thác tốt nguồn lực của mỗi vùng trong nước.
B. Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.
C. Sử dụng tốt lao động và tài nguyên ở trong nước.
D. Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ và đủ tiện nghi.

Phần II. Trắc nghiệm đúng – sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho đoạn thông tin sau:

An ninh lương thực luôn là vấn đề cần phải quan tâm hàng đầu ở mỗi quốc gia. Thế giới đang phải đối mặt với sự biến đổi của khí hậu, xung đột và bất ổn vẫn còn xảy ra ở nhiều khu vực,... Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới khủng hoảng an ninh lương thực toàn cầu.

- a) Nếu không chấm dứt được xung đột, sẽ làm đứt gãy chuỗi cung ứng và tác động tới an ninh lương thực.
b) Biến đổi khí hậu đang làm gia tăng hạn hán, lũ lụt,... ảnh hưởng tới năng suất và sản lượng lương thực.
c) Xung đột ở nhiều nơi đang làm cho sản xuất nông nghiệp bị đình trệ, cản trở việc cứu trợ nhân đạo.
d) Số người thiếu lương thực trên thế giới đang giảm nhanh, an ninh lương thực đã ổn định.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

**TUỔI THỌ TRUNG BÌNH CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI
QUA CÁC NĂM**
(Đơn vị: tuổi)

Nhóm nước	Nước	Năm 2005	Năm 2010	Năm 2020
Phát triển	Ca-na-đa	80	81	81
	Nhật Bản	82	83	83
	Phần Lan	79	80	81
Đang phát triển	Mô-dăm-bích	42	48	53
	Ha-i-ti	52	61	63
	In-đô-nê-xi-a	68	71	71
Thế giới	-	67	69	71

- a) Các nước đang phát triển có tuổi thọ trung bình của người dân không tăng.
b) Các nước đang phát triển có tuổi thọ trung bình tăng nhanh hơn các nước phát triển.
c) Tuổi thọ trung bình của dân số thế giới ngày càng tăng.
d) Các nước phát triển có tuổi thọ trung bình tăng nhanh hơn các nước đang phát triển.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

**SỐ DÂN, TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ
Ở KHU VỰC MỸ LA-TINH GIAI ĐOẠN 2000 - 2020**

Tiêu chí	2000	2005	2010	2020
Số dân (triệu người)	520,0	557,5	589,9	652,3
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	1,56	1,26	1,19	0,94
Tỉ lệ dân thành thị (%)	75,5	76,1	78,5	80,1

- a) Tỉ lệ gia tăng dân số và tỉ lệ dân thành thị ở khu vực Mỹ La-tinh tăng liên tục.

- b) Tỷ lệ gia tăng dân số ở khu vực Mỹ La-tinh giảm nhưng vẫn ở mức rất cao.
 c) Mỹ La-tinh là khu vực đông dân và có dân số tăng nhanh.
 d) Tỷ lệ dân thành thị ở khu vực Mỹ La-tinh cao và tăng liên tục.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Phần đất liền Mỹ La-tinh trải dài từ khoảng vĩ độ 33⁰B đến gần vĩ độ 54⁰N, tiếp giáp với ba đại dương: phía đông là Đại Tây Dương, phía tây là Thái Bình Dương và phía nam là Nam Đại Dương.

- a) Mỹ La-tinh nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.
 b) Kinh tế biển là thế mạnh của Mỹ La-tinh.
 c) Thuận lợi cho giao lưu với các châu lục và khu vực khác bằng đường bộ.
 d) Nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây.

Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Năm 2019, trị giá xuất khẩu của toàn thế giới là 24 970,7 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 24 418,2 tỉ USD. Hãy tính cán cân xuất khẩu, nhập khẩu của toàn thế giới năm 2019 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2000 – 2019

Năm	2000	2010	2015	2019
Sản lượng lương thực (triệu tấn)	2060,0	2476,4	2550,9	2964,4

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tốc độ tăng trưởng của sản lượng lương thực thế giới năm 2019 so với năm 2000 là bao nhiêu %? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3. Năm 2019, sản lượng điện của nước ta là 209 770 triệu KWh và dân số nước ta là 95,78 triệu người. Tính sản lượng điện bình quân đầu người (đơn vị: KWh/người) năm 2019 của nước ta (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU GDP CỦA NƯỚC TA NĂM 2021

(Đơn vị: %)

Ngành	Tỉ trọng
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	12,36
Công nghiệp và xây dựng	37,86
Dịch vụ	40,95
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	8,83

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính GDP ngành dịch vụ của nước ta năm 2021 biết tổng GDP của nước ta năm 2021 đạt 366 tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2022

(Đơn vị: triệu người)

Khu vực	Quy mô dân số
Thế giới	7963
Châu Phi	1419
Châu Mỹ	1028
Châu Á	4730
Châu Âu	742
Châu Đại Dương	44

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng dân số của châu Phi trong tổng dân số thế giới năm 2022 (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất sau dấu phẩy).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019

Quốc gia	Nam Phi	Cô-lôm-bi-a	Ai Cập	Pê-ru
Diện tích (nghìn km^2)	1219	1142	1002	1285
Dân số (nghìn người)	58600	54400	99100	31800

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết mật độ dân số của Cô-lôm-bi-a năm 2019 là bao nhiêu người/ km^2 ?
(Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

----HẾT---

PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Bài thi: Địa lý 11 châu Âu Kỳ thi: Ngày thi:/...../20.....

7. Số báo danh

--	--	--	--	--	--

8. Mã đề

--	--	--

Họ tên, chữ ký của cán bộ coi thi 1	1. Hội đồng thi:
Họ tên, chữ ký của cán bộ coi thi 2	2. Điểm thi:
	3. Phòng thi số:
	4. Họ và tên thí sinh:
	5. Ngày sinh:/...../..... (Nam/Nữ)
	6. Chữ ký của thí sinh:

0						
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						

0			
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			

PHẦN I

A	B	C	D
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			

A	B	C	D
11			
12			
13			
14			
15			

PHẦN II

Câu 1

Đ	S
a)	
b)	
c)	
d)	

Câu 2

Đ	S
a)	
b)	
c)	
d)	

Câu 3

Đ	S
a)	
b)	
c)	
d)	

Câu 4

Đ	S
a)	
b)	
c)	
d)	

PHẦN III

Câu 1

--	--	--	--

-	
,	
0	
1	
2	
3	
4	
5	
6	
7	
8	
9	

Câu 2

--	--	--	--

-	
,	
0	
1	
2	
3	
4	
5	
6	
7	
8	
9	

Câu 3

--	--	--	--

-	
,	
0	
1	
2	
3	
4	
5	
6	
7	
8	
9	

Câu 4

--	--	--	--

-	
,	
0	
1	
2	
3	
4	
5	
6	
7	
8	
9	

Câu 5

--	--	--	--

-	
,	
0	
1	
2	
3	
4	
5	
6	
7	
8	
9	

Câu 6

--	--	--	--

-	
,	
0	
1	
2	
3	
4	
5	
6	
7	
8	
9	

Type:

●	●	○	○	○	○	○	○
---	---	---	---	---	---	---	---

v15.0

Đề/câu	Gốc 1	Gốc 2	111	112	113	114	115	116	117	118	119
1	A	C	A	B	D	C	B	A	A	A	A
2	B	C	B	C	A	D	B	B	A	D	B
3	C	D	C	D	A	B	A	D	D	D	C
4	A	A	D	B	C	D	A	C	C	A	A
5	B	A	D	D	C	C	D	C	C	C	A
6	A	C	B	B	C	B	D	C	D	A	A
7	C	C	A	B	A	D	A	B	D	C	B
8	A	B	B	C	B	B	B	C	B	A	B
9	B	A	A	C	A	D	D	C	A	D	B
10	D	C	A	B	B	C	B	B	B	C	B
11	D	C	D	C	C	B	A	C	B	C	A
12	A	C	A	D	D	D	C	B	B	C	A
13	C	D	D	A	C	B	B	A	D	B	A
14	D	C	C	D	A	D	B	D	B	A	C
15	D	D	A	D	A	B	D	D	B	B	D
Câu hỏi đúng/sai											
Câu 1	ĐSĐS	ĐSĐS	ĐĐSS	SSĐĐ	SSĐĐ	ĐĐSS	SĐĐĐ	ĐĐSS	ĐĐSS	ĐĐĐS	ĐSĐS
Câu 2	SĐSĐ	SĐSĐ	ĐĐSĐ	SSĐĐ	ĐĐSĐ	SSĐĐ	ĐSSĐ	ĐĐĐS	ĐĐĐS	SĐĐS	SĐSĐ
Câu 3	SĐĐĐ	SĐĐĐ	ĐSĐS	SSĐĐ	ĐSĐS	ĐĐSS	ĐĐSS	ĐSĐS	ĐSĐS	SSĐĐ	SĐĐĐ
Câu 4	SĐĐS	SĐĐS	SĐĐĐ	ĐĐSĐ	ĐSĐĐ	SĐĐĐ	SĐĐĐ	ĐĐSS	ĐSĐĐ	SĐSĐ	ĐĐĐS
Câu trắc nghiệm trả lời ngắn											
Câu 1	120	144	45	2190	120	2190	99	150	2634	553	144
Câu 2	2634	553	9,3	17,8	45	150	9,3	2190	99	144	150
Câu 3	45	150	120	48	2634	17,8	45	144	45	2190	17,8
Câu 4	9,3	17,8	99	150	9,3	48	2634	17,8	120	150	48
Câu 5	99	48	2634	553	99	553	120	553	9,3	17,8	2190
Câu 6	542	2190	542	144	542	144	542	48	542	48	553

